

KẾT QUẢ VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2016 VÀO CỤC THUẾ NGHỆ AN

(Kèm theo Thông báo số 3108 /TB-HĐTD ngày 05/9/2017 của Chủ tịch HĐTD công chức Tổng cục Thuế năm 2016)

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NV CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I. Chuyên viên và Kiểm tra viên thuế																			
1	Bach Thị Huyền	An				25	12	1990	Hưng Phú, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		NAN00002		45.00	81.25	75.00		NAN00473
2	Ngô Thị Hoài	An				12	5	1993	xã Nghi Hải, huyện Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân	kinh tế đầu tư		NAN00007		92.50	53.75	67.50		NAN00419
3	Nguyễn Thị Hà	An				21	8	1990	Nga Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh	Đại học xây dựng	Kinh tế xây dựng		NAN00011		VT	VT	VT		NAN00600
4	Nguyễn Thị Hoài	An				24	3	1994	Xóm 12, xã Hưng Lộc, Tp Vinh, Nghệ An	Đại học Luật TP Hồ Chí Minh	Luật Dân sự		NAN00012		85.00	70.00	75.00		NAN00347
5	Nguyễn thị Thúy	An				23	6	1993	Phường Đồng Vinh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Đại Học Luật Hà Nội	Luật		NAN00015		95.00	78.75	75.00		NAN00156
6	Trần Thị	An				10	8	1991	Xuân Phổ, Nghi Xuân, Hà Tĩnh	Đại học Vinh	Tài chính Ngân hàng		NAN00020		VT	VT	VT		NAN00516
7	Vũ Thị Hoài	An				13	8	1992	Xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, Nghệ An	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN00023		VT	VT	VT		NAN00395
8	Nguyễn Ngọc	Ấn				24	8	1992	Xã Thạch Môn, Tp Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN00024		VT	VT	VT		NAN00475
9	Bùi Thị Kim	Anh				9	10	1994	Diễn Hoa, Diễn Châu, Nghệ An	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Kinh tế		NAN00028		70.00	27.50	52.50		NAN00469
10	Bùi Thị Mai	Anh				20	7	1994	Xóm Nam Sơn, xã Văn Diễn, Nam Đàn, Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế hoạch		NAN00029		VT	VT	VT		NAN00055
11	Bùi Trần Tuấn	Anh	8	8	1994				Xóm Lộc Mỹ, xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Đại học Văn Lang	Kế toán		NAN00032		45.00	60.00	52.50		NAN00814
12	Chế Ngọc	Anh	28	8	1993				Khối Bắc Hải, phường Nghi Thu, TX Cửa Lò, Nghệ An	Học viện tài chính	Quản lý tài chính công		NAN00033		VT	VT	VT		NAN00309
13	Đình Việt	Anh	4	10	1990				Hương Sơn, hà Tĩnh	Đại học Lyon 3	tài chính và kiểm soát		NAN00041		VT	MT	VT		NAN00764
14	Hồ Thị Mai	Anh				28	8	1995	xã Quỳnh Văn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	ĐH Kinh tế Quốc dân	Tài chính doanh nghiệp	Con TB	NAN00045	20	95.00	66.25	92.50		NAN00815
15	Hoàng Tú	Anh				25	5	1994	Cẩm Nhượng, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế và quản lý đô thị		NAN00049		92.50	71.25	85.00		NAN00442
16	Lê Thị Vân	Anh				12	10	1991	Thanh Phong, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Hòa Bình	Tài chính - Ngân hàng	Con TB	NAN00056	20	55.00	42.50	35.00		NAN00721
17	Nguyễn Đức Tuấn	Anh	14	1	1994				Phường Vinh Tân, TP Vinh, Nghệ An	Học viện Tài chính	Thuế	Con TB	NAN00062	20	72.50	51.25	77.50		NAN00032
18	Nguyễn Kiều	Anh				20	11	1994	Xóm 16, xã Nghi Đức, TP Vinh, Nghệ An	Học viện tài chính	Kiểm toán		NAN00066		85.00	58.75	87.50		NAN00134
19	Nguyễn Lê	Anh				3	6	1993	Xã Nghi Hưng, huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	Đại học Giao thông vận tải	Kinh tế quản lý khai thác cầu đường		NAN00067		VT	VT	VT		NAN00537
20	Nguyễn Thị Hải	Anh				2	12	1991	xã Đồng Vinh, TP Vinh, tỉnh Nghệ An	Đại học Ngoại thương Hà Nội	Kinh tế đối ngoại		NAN00071		VT	VT	VT		NAN00785
21	Nguyễn Thị Kiều	Anh				17	3	1994	Xuân Hòa, Nam Đàn, Nghệ An	Đại học lao động, xã hội	Kế toán	Con TB	NAN00075	20	62.50	38.75	67.50		NAN00588
22	Nguyễn Thị Nam	Anh				23	4	1992	Bùi Xá, Đức Thọ, Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế Đầu tư	Con NHCS như TB	NAN00079	20	85.00	70.00	85.00		NAN00229
23	Nguyễn Thị Ngọc	Anh				28	7	1993	xã Phúc Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán	Con TB	NAN00082	20	VT	VT	VT		NAN00451
24	Nguyễn Thị Ngọc	Anh				23	5	1992	xóm Lam Đồng, Hưng Tây, Hưng Nguyên, Nghệ An	Học viện Tài chính	Kế toán		NAN00081		87.50	57.50	67.50		NAN00651
25	Nguyễn Thị Ngọc	Anh				28	9	1990	Hưng Thắng, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học Lao Động Xã Hội	kế toán		NAN00080		VT	VT	VT		NAN00416

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
26	Nguyễn Thị Nguyệt	Anh				16	4	1989	Lô Giang, Đông Hưng, Thái Bình	Học viện Tài chính	Thuế	Con BB	NAN00083	20	VT	VT	VT		NAN00811
27	Nguyễn Thị Thảo	Anh				20	9	1993	Xã Nga Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế bảo hiểm		NAN00085		VT	VT	VT		NAN00717
28	Nguyễn Thị Vân	Anh				7	11	1994	xã Nghi Trung, Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học Vinh	Luật kinh tế		NAN00095		55.00	56.25	60.00		NAN00026
29	Nguyễn Thị Vân	Anh				24	9	1994	Xóm 9B, xã Hưng Lĩnh, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	Đại học Công Đoàn	Quản trị kinh doanh		NAN00096		VT	VT	VT		NAN00047
30	Nguyễn Thị Vân	Anh				12	12	1988	thạch Tiến, Thạch Hà, Hà Tĩnh	Đại học kinh tế- đại học Quốc gia Hà Nội	Kế toán		NAN00090		62.50	MT	57.50		NAN00695
31	Nguyễn Thị Vân	Anh				8	3	1982	xóm Xuân Trung, xã Nghi Đức, TP Vinh, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Tài chính doanh nghiệp	Con TB	NAN00089	20	97.50	MT	92.50		NAN00013
32	Nguyễn Viết Hoàng	Anh	10	9	1991				Xã Lang Sơn, Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		NAN00097		50.00	40.00	60.00		NAN00228
33	Phạm Thị Phương	Anh				21	11	1991	Xóm Kinh Bình, Xã Nghi Ân, TP Vinh, Nghệ An	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán-Kiểm toán		NAN00100		VT	VT	VT		NAN00075
34	Phạm Thị Quỳnh	Anh				15	10	1994	Xóm 5, xã Nghi Ân, TP.Vinh, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Quản lý kinh tế		NAN00102		VT	VT	VT		NAN00712
35	Phạm Thị Tú	Anh				29	6	1988	xã Nghi Thịnh, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Đại học Hà Nội	tài chính ngân hàng - tiếng anh	Con TB	NAN00103	20	85.00	MT	60.00		NAN00644
36	Phạm Thục	Anh				29	8	1995	Quỳnh Bá, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	kinh tế quốc tế		NAN00104		VT	VT	VT		NAN00817
37	Phan Nhật	Anh	14	1	1993				Hưng Lợi, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học Vinh	Tài chính ngân hàng		NAN00105		70.00	38.75	72.50		NAN00257
38	Phan Thị Ngọc	Anh				24	2	1994	xóm 7 xã Cát Ván, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Luật Hà Nội	Luật kinh tế		NAN00106		90.00	36.25	87.50		NAN00300
39	Thái Thị Vân	Anh				21	6	1993	xã Diễn Thọ, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		NAN00109		55.00	51.25	42.50		NAN00705
40	Trần Công	Anh	3	9	1992				Khối 6, Thị trấn Đô Lương, Đô Lương, Nghệ An	Học viện tài chính	Thuế		NAN00111		70.00	50.00	35.00		NAN00661
41	Trần Thị Quỳnh	Anh				28	2	1991	xóm Nam Sơn, xã Văn Diễn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	tài chính ngân hàng	Con TB	NAN00114	20	87.50	45.00	90.00		NAN00353
42	Trần Tuấn	Anh	18	10	1985				xã Đức Yên, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Vinh	Quản trị kinh doanh		NAN00117		57.50	22.50	67.50		NAN00517
43	Nguyễn Thị	Ánh				22	5	1993	Khối Quang Trung, Phường Quỳnh Phương, TX Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	Học Viện Tài Chính	Thuế		NAN00133		92.50	51.25	75.00		NAN00349
44	Lê Văn	Bá	24	3	1992				Xóm 9, Diễn Trung, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học Vinh	Tài chính - Ngân hàng		NAN00142		45.00	16.25	55.00		NAN00074
45	Phan Sỹ	Bắc	11	11	1987				Xã Võ Liệt, Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An	Đại học Nha Trang	Kế toán		NAN00144		55.00	22.50	37.50		NAN00234
46	Lê Tùng	Bách	4	9	1992				xóm Kim Chi, xã Đô Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		NAN00145		37.50	31.25	52.50		NAN00020
47	Nguyễn Văn	Bảo	10	8	1988				xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Đại học Nha Trang	Kế toán		NAN00153		37.50	23.75	40.00		NAN00368
48	Trương Thị	Bé				15	9	1990	Xã Đồng Văn, Tân Kỳ, Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính quốc tế	DTTS	NAN00155	20	VT	VT	VT		NAN00073
49	Nguyễn Thị	Bích				18	2	1992	Xóm 6, Mỹ Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài chính	Kiểm toán		NAN00159		90.00	53.75	77.50		NAN00809
50	Hàn Thanh	Bình				28	12	1985	Thiếu Quang, Thiệu Yên, Thanh Hóa	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán tổng hợp	Con TB	NAN00162	20	100.00	MT	92.50		NAN00056
51	Hoàng Thị	Bình				14	3	1990	Xóm 8, Diễn Hạnh, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc Dân	Kế toán tổng hợp		NAN00164		VT	VT	VT		NAN00791
52	Nguyễn Thiết	Bình	11	10	1984				Phong Dinh, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Quản trị kinh doanh		NAN00171		52.50	32.50	60.00		NAN00448
53	Mai Thế	Cần	29	7	1977				xã Thanh Hưng, Thanh Chương, Nghệ An	Học viện khoa học xã hội	Luật hình sự và tổ tụng hình sự	Con TB	NAN00186	20	32.50	37.50	52.50		NAN00505
54	Đặng Thị	Cánh				6	9	1994	Nghi Lâm, Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN00188		85.00	37.50	67.50		NAN00577

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
55	Nguyễn Đức	Cảnh	30	8	1991				thị trấn Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An	Học viện tài Chính	Quản trị doanh nghiệp		NAN00189		90.00	51.25	85.00		NAN00423
56	Phạm Hữu	Cảnh	15	4	1979				Xã Hồng Long, Nam Đàn, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp	Con TB	NAN00190	20	VT	VT	VT		NAN00775
57	Bùi Thị Khánh	Chi				30	3	1992	Quỳ Hợp, Nghệ An	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại	DTTS	NAN00206	20	92.50	61.25	80.00		NAN00507
58	Nguyễn Kim	Chi				4	10	1991	khối 1, phường Hồng Sơn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán tổng hợp	Con TB	NAN00212	20	90.00	62.50	92.50		NAN00453
59	Nguyễn Thị Cẩm	Chi				20	9	1993	Nam Cường, Nam Đàn, Nghệ An	Đại học Sunderland	Tài chính - Ngân hàng		NAN00213		80.00	MT	80.00		NAN00533
60	Lê Văn	Chỉ	13	10	1993				Xã Châu Cường, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Luật hành chính	DTTS	NAN00227	20	42.50	28.75	32.50		NAN00461
61	Nguyễn Anh	Chiến	3	9	1991				xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An	Học viện tài chính	Kiểm toán		NAN00228		VT	VT	VT		NAN00293
62	Nguyễn Minh	Chiến	24	11	1986				Hợp Thành, Yên Thành, Nghệ An	Đại học Nha Trang	Kế toán		NAN00229		37.50	17.50	30.00		NAN00754
63	Lê Bá	Công	9	6	1991				Phường Hưng Dũng, TP Vinh, Nghệ An	Học viện Tài chính	Quản lý tài chính công		NAN00240		52.50	47.50	55.00		NAN00015
64	Trịnh Thị	Cúc				14	9	1990	Hưng Lĩnh, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại Học kinh tế Quốc Dân	Kế toán tổng hợp		NAN00247		97.50	51.25	72.50		NAN00081
65	Hoàng	Cường	30	9	1994				Khối 6, phường Nghi Tân, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An	Đại Học kinh tế Quốc Dân	Kinh tế quốc tế		NAN00250		VT	VT	VT		NAN00151
66	Nguyễn Lê	Cường	18	2	1986				Xóm 7, Diễn Thành, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học Ngoại Thương Hà Nội	Quản trị kinh doanh		NAN00255		60.00	61.25	52.50		NAN00189
67	Vương Thị Tâm	Đan				6	11	1994	Xã Hưng Hòa, Tp Vinh, Nghệ An	Học viện Tài Chính	Kiểm toán		NAN00264		100.00	50.00	90.00		NAN00061
68	Chu Thị Anh	Đào				5	2	1986	Xã Quỳnh Giang, huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	Học Viện Tài Chính	Kinh tế, Tài chính - Ngân hàng		NAN00268		80.00	53.75	77.50		NAN00326
69	Nguyễn Thị Anh	Đào				29	7	1994	Xóm Trung Chính, Xã Hùng Tín, huyện Nam Đàn, Nghệ An	Học viện Tài chính	Ngân hàng		NAN00273		47.50	48.75	55.00		NAN00563
70	Lê Thành	Đạt	11	7	1992				Xuân Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư		NAN00278		VT	VT	VT		NAN00394
71	Phan Thành	Đạt	25	6	1994				Nghi Trung, Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán		NAN00281		90.00	71.25	87.50		NAN00008
72	Trương Quang	Đạt	6	2	1993				xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Đại Học Vinh	tài chính - ngân hàng	Con TB	NAN00283	20	VT	VT	VT		NAN00089
73	Trịnh Thị Hồng	Diễm				22	5	1993	Hoàng Kim, Hoàng Hóa, Thanh Hóa	Đại học Công nghiệp TP.Hồ Chí Minh	Kế toán kiểm toán		NAN00298		VT	VT	VT		NAN00539
74	Nguyễn Thị	Diễn				8	10	1992	Hưng Long, Hưng Nguyên, Nghệ An	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN00300		VT	VT	VT		NAN00252
75	Hà Thị	Điệp				19	6	1990	xã Thanh Giang, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Tài chính doanh nghiệp		NAN00305		65.00	47.50	47.50		NAN00693
76	Phan	Điệp	13	2	1989				Diễn Kỳ, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học Ngoại thương	Quản trị kinh doanh quốc tế		NAN00306		85.00	45.00	60.00		NAN00762
77	Nguyễn Thị	Định				20	12	1991	Nam Trung, Nam Đàn, Nghệ An	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp	Con TB	NAN00316	20	VT	VT	VT		NAN00560
78	Phan Văn	Đồng	22	4	1993				Nghi Phương, Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kiểm toán		NAN00320		67.50	57.50	72.50		NAN00019
79	Hồ Diên	Đức	20	3	1988				Xã Quỳnh Minh, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Học viện tài chính	Tài chính- Ngân hàng		NAN00324		VT	VT	VT		NAN00682
80	LƯU ANH	ĐỨC	4	11	1994				THỐN 1 - THANH TƯỜNG - THANH CHƯƠNG - NA	ĐẠI HỌC VINH	LUẬT HỌC		NAN00328		70.00	62.50	72.50		NAN00141
81	Nguyễn Anh	Đức	5	10	1983				xóm 5, Quỳnh Giang, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Học viện tài chính	Kế toán		NAN00329		VT	VT	VT		NAN00378
82	Nguyễn Thanh	Đức	28	4	1992				xóm 6, Hưng Thông, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học Ngoại thương	Ngân hàng	Con BB	NAN00331	20	85.00	72.50	72.50		NAN00452
83	Nguyễn Tiến	Đức	17	11	1984				khối Sý Tân, phường Quỳnh Di, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN00332		37.50	26.25	27.50		NAN00497
84	Thái Khắc	Đức	27	9	1991				Thịnh Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư		NAN00334		VT	VT	VT		NAN00779
85	Chu Thị Hoài	Dung				26	7	1985	xã Nghi Hương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	kế toán		NAN00339		72.50	40.00	37.50		NAN00422

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
86	Hoàng Mỹ	Dung				16	3	1981	Xã Xuân An, Nghi Xuân, Hà Tĩnh	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán		NAN00345		32.50	21.25	17.50		NAN00576
87	Hoàng Thị Khánh	Dung				2	11	1994	xóm 3, Diễn Đồng, Diễn Châu, Nghệ An	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		NAN00346		VT	VT	VT		NAN00514
88	Hoàng Thùy	Dung				17	6	1989	Nghi Hương, Thị xã Cửa Lò, Nghệ An	Đại học kinh tế Nghệ An	Kế toán		NAN00348		45.00	23.75	40.00		NAN00570
89	Lê Thị Kim	Dung				9	4	1982	tp.Vinh, Nghệ An	Đại học kinh tế Quốc Dân	Kế toán, kiểm toán và phân tích		NAN00352		97.50	37.50	72.50		NAN00540
90	Lê Thùy	Dung				15	6	1992	Hưng Thủy, TP Vinh, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế phát triển		NAN00355		77.50	50.00	47.50		NAN00403
91	Ngô Thị Thùy	Dung				7	1	1985	Xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, Hà Nội	Đại học tổng hợp quốc gia Tula Nga	Kinh tế học		NAN00357		70.00	MT	50.00		NAN00544
92	Nguyễn Thị	Dung				18	6	1994	phường Hưng Bình, TP Vinh, Nghệ An	Đại học Vinh	Luật học		NAN00361		VT	VT	VT		NAN00583
93	Nguyễn Thị Phương	Dung				17	12	1993	xã Xuân Hòa, huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Tài chính ngân hàng		NAN00368		VT	VT	VT		NAN00439
94	Nguyễn Thị Thu	Dung				28	7	1991	Yên Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN00371		VT	VT	VT		NAN00376
95	Nguyễn Thu	Dung				6	7	1991	Nghi Trung, Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN00376		VT	VT	VT		NAN00603
96	Trần Thị	Dung				31	7	1987	Thanh Cát, Thanh Chương, Nghệ An	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN00383		VT	VT	VT		NAN00066
97	Trần Thị Kim	Dung				10	2	1992	Đồng Văn, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học ngoại thương	Ngân hàng	Con TB	NAN00384	20	VT	VT	VT		NAN00549
98	Trịnh Thị	Dung				3	12	1982	Mỹ Thịnh, Mỹ Lộc, Nam Định	Đại học Vinh	Kế toán	Con BB	NAN00385	20	52.50	31.25	MT		NAN00272
99	Dương Trung	Dũng	25	3	1983				phường Trường Thi, TP Vinh, Nghệ An	Đại học thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		NAN00390		45.00	22.50	MT		NAN00301
100	Lê Quang	Dũng	27	10	1992				Nghi Hợp, Nghi Lộc, Nghệ An	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp	Con TB	NAN00392	20	55.00	38.75	42.50		NAN00502
101	Lê Tiến	Dũng	14	3	1992				Nghi Thuận, Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài chính	tài chính doanh nghiệp		NAN00394		42.50	31.25	52.50		NAN00632
102	Nguyễn Tiến	Dũng	13	6	1994				Xã Hưng Đông, TP Vinh, Nghệ An	Đại học Vinh	Quản trị kinh doanh		NAN00396		75.00	31.25	57.50		NAN00077
103	Nguyễn Việt	Dũng	26	5	1990				xã Nam Cường, Nam Đàn, Nghệ An	Đại học Công đoàn	Tài chính doanh nghiệp		NAN00398		42.50	27.50	37.50		NAN00567
104	Bùi Khắc	Dương	16	5	1992				Xã Nghi Hưng, Huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Học Viện Tài Chính	Kiểm toán		NAN00405		VT	VT	VT		NAN00344
105	Lê Huyền	Dương				31	10	1991	Quỳnh Hậu, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp		NAN00412		VT	VT	VT		NAN00215
106	Lê Xuân	Dương	29	11	1982				xóm 11, xã Phúc Thọ, huyện Nghi Lộc, Nghệ An	Trường Đại học thương mại	Kế toán	Con TB	NAN00415	20	90.00	MT	72.50		NAN00290
107	Nguyễn Thị Thủy	Dương				8	4	1986	Xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN00421		95.00	56.25	80.00		NAN00208
108	Hồ Thị Kim	Duyên				5	12	1992	xã Nghi Vạn, Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học công nghiệp TP HCM	Kế toán - Kiểm toán		NAN00436		92.50	40.00	87.50		NAN00169
109	Hoàng Thị Mỹ	Duyên				21	10	1994	Tăng Thành, Yên Thành, Nghệ An	Đại học Vinh	Tài chính - Ngân hàng		NAN00438		VT	VT	VT		NAN00429
110	Lê Thị Nhân	Duyên				26	5	1991	Trung Lương, TX Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh	Học viện tài chính	Kế toán		NAN00442		VT	VT	VT		NAN00292
111	Nguyễn Thị Thúy	Duyên				14	1	1991	Quảng Trung, Quảng Xương, Thanh Hóa	Đại học Vinh	Luật	DTTS	NAN00450	20	VT	VT	VT		NAN00495
112	Phạm Thị Mỹ	Duyên				2	10	1994	Xóm 12, xã Nghi Phú, Tp Vinh, Tỉnh Nghệ An	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN00454		92.50	57.50	90.00		NAN00331
113	Chu Thị	Giang				16	7	1991	Khánh Tiến, Nghi Khánh, Nghi Lộc, Nghệ An	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		NAN00465		VT	VT	VT		NAN00582
114	Lê Thái Hà	Giang				4	5	1994	Xã Đức Hòa, Đức Thọ, Hà Tĩnh	Đại học ngoại thương	Kinh tế quốc tế	Con TB	NAN00473	20	97.50	63.75	85.00		NAN00430
115	Lê Thị Hà	Giang				27	8	1986	xã Nghi Trung, Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học Nha Trang	Kế toán	Con TB	NAN00474	20	77.50	40.00	45.00		NAN00281

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi				Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học			
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
116	Nguyễn Thị Trà	Giang				9	9	1994	Xóm 1, Nam Xuân, Nam Đàn, Nghệ An	Đại Học kinh tế Quốc Dân	Kinh tế đầu tư		NAN00487		VT	VT	VT		NAN00114	
117	Nguyễn Thị Trà	Giang				25	10	1993	Hưng Dũng, TP Vinh, Nghệ An	Đại học Ngoại thương	Kinh tế quốc tế	Con TB	NAN00486	20	92.50	72.50	90.00		NAN00686	
118	Phan Thị	Giang				20	9	1993	xã Thanh Chi, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Học viện tài chính	tài chính doanh nghiệp	Con TB	NAN00492	20	85.00	77.50	97.50		NAN00371	
119	Trần Anh	Giang	12	12	1987				xã Tào Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp	Con TB	NAN00495	20	VT	VT	VT		NAN00380	
120	Trần Thị Thùy	Giang				28	7	1992	Thị trấn Nam Đàn, Nghệ An	Học viện tài chính	chứng khoán		NAN00499		VT	VT	VT		NAN00445	
121	Nguyễn Cảnh	Giáp	2	8	1994				Xóm 5, xã Thanh Mỹ, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư		NAN00505		57.50	45.00	77.50		NAN00716	
122	Bùi Thị Ngọc	Hà				8	10	1992	Quỳnh Mỹ, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Học viện Tài chính	Quản trị doanh nghiệp		NAN00507		65.00	41.25	72.50		NAN00656	
123	Đoàn Thị	Hà				16	10	1985	Xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế phát triển		NAN00512		VT	VT	VT		NAN00553	
124	Hoàng Thị Hồng	Hà				2	4	1979	Xã Cẩm Thăng, huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Nha Trang	Quản trị kinh doanh	Con TB	NAN00515	20	72.50	77.50	MT		NAN00330	
125	Lê Xuân	Hà	28	10	1994				Xóm 4, xã Tăng Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính công		NAN00526		100.00	48.75	67.50		NAN00062	
126	Nguyễn Thị Thu	Hà				30	10	1993	Xóm Yên Bang, xã Phúc Thành, Yên Thành, Nghệ An	Đại học Luật Hà Nội	Luật		NAN00535		VT	VT	VT		NAN00525	
127	Nguyễn Thị Thu	Hà				1	1	1988	khối Phúc tấn, phường vinh tân, TP Vinh, tỉnh Nghệ An	Đại học Luật Hà Nội	Luật		NAN00534		VT	VT	VT		NAN00763	
128	Nguyễn Thị Thu	Hà				15	8	1987	Sơn Phúc, Hương Sơn, Hà Tĩnh	Đại học Vinh	Kế toán	Con TB	NAN00533	20	VT	VT	VT		NAN00782	
129	Nguyễn Thị Việt	Hà				2	11	1987	Phùng Hưng, Châu Giang, Hưng Yên	Đại học Nha Trang	Kế toán		NAN00541		50.00	28.75	35.00		NAN00210	
130	Phan Thị Thu	Hà				16	11	1983	Đức Thịnh, Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp	Con TB	NAN00550	20	85.00	41.25	MT		NAN00242	
131	Phan thị Việt	Hà				11	9	1994	xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Đại Học kinh tế Quốc Dân	Kế toán		NAN00551		85.00	81.25	82.50		NAN00082	
132	Trần Thị	Hà				12	8	1992	Lý Thành, Yên Thành, Nghệ An	Đại học Luật TP Hồ Chí Minh	Luật hành chính - Nhà nước		NAN00554		62.50	40.00	57.50		NAN00628	
133	Trần Thị Thu	Hà				25	10	1984	Xóm 6B, xã Nghĩa Đồng, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN00556		40.00	16.25	40.00		NAN00276	
134	Võ Thái	Hà	18	4	1991				phường Bến Thủy, TP Vinh, Nghệ An	Đại học Ngoại thương	Thương mại điện tử		NAN00560		72.50	55.00	82.50		NAN00529	
135	Võ Thị Thu	Hà				18	4	1987	xóm 2, xã Thanh Lương, huyện Thanh Chương, Nghệ An	Học viện Ngân Hàng	ngân hàng Thương mại		NAN00562		VT	VT	VT		NAN00500	
136	Lê Như	Hai	10	6	1983				xã Bắc Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN00565		40.00	22.50	35.00		NAN00367	
137	Hoàng Xuân	Hải	17	9	1992				Xã Hưng Xá, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh doanh và Công Nghệ Hà Nội	tài chính		NAN00567		90.00	61.25	85.00		NAN00289	
138	Lê Thị	Hải				25	11	1994	xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Học viện tài chính	Ngân hàng		NAN00568		57.50	67.50	67.50		NAN00511	
139	Nguyễn Thị	Hải				30	9	1992	Xã Xuân Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế phát triển		NAN00570		97.50	65.00	87.50		NAN00393	
140	Nguyễn Viết	Hải	25	10	1988				xã Nam Lĩnh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư		NAN00574		VT	VT	VT		NAN00360	
141	Thái Xuân	Hải	12	2	1983				Xã Bùi Xá, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh	Con TB	NAN00577	20	47.50	30.00	50.00		NAN00324	
142	Trần Xuân	Hải	7	4	1994				Quỳnh Thuận, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán		NAN00579		80.00	66.25	90.00		NAN00689	
143	Nguyễn Thị	Hân				8	2	1991	Hưng Đạo, Hưng Nguyên, Nghệ An	Học viện Tài chính	Tài chính quốc tế		NAN00583		70.00	46.25	77.50		NAN00028	
144	Bùi Thị Thu	Hằng				9	10	1993	Cát Văn, Thanh Chương, Nghệ An	Học viện Tài chính	Kế toán		NAN00588		VT	VT	VT		NAN00614	

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
145	Hoàng Thị Thúy	Hằng				13	8	1983	Xã Quảng Thanh, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình	Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		NAN00596		90.00	33.75	MT		NAN00039
146	Lê Thị Thúy	Hằng				17	3	1994	Đỗ Thành, Yên Thành, Nghệ An, Tỉnh Nghệ An	Đại học Công nghệ giao thông vận tải	Kế toán doanh nghiệp		NAN00602		VT	VT	VT		NAN00605
147	Nghiêm Thúy	Hằng				2	8	1995	Đức Yên, Đức Thọ, Hà tĩnh	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư		NAN00605		VT	VT	VT		NAN00818
148	Nguyễn Thị	Hằng				5	9	1985	Đỗ Lương, Nghệ An	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN00610		VT	VT	VT		NAN00076
149	Nguyễn Thị Thu	Hằng				15	6	1993	Nghĩa Yên, Nghĩa Đàn, Nghệ An	Học viện ngân hàng	hệ thống thông tin quản lý	DTTS	NAN00617	20	VT	VT	VT		NAN00313
150	Nguyễn Thị Thúy	Hằng				9	10	1992	Xã Nghi Thái, Huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN00620		50.00	58.75	65.00		NAN00239
151	Phạm Thị Thúy	Hằng				7	5	1990	khối 5, thị trấn Đỗ Lương, huyện Đỗ Lương, tỉnh Nghệ An	Học viện tài chính	Ngân hàng		NAN00627		VT	VT	VT		NAN00559
152	Phan Thị Việt	Hằng				5	10	1991	Sơn Trà, Hương Sơn, Hà Tĩnh	Học viện Tài chính	Tài chính ngân hàng		NAN00631		VT	VT	VT		NAN00596
153	Trần Thị Thúy	Hằng				22	12	1993	xóm 2, xã Lưu Sơn, huyện Đỗ Lương, tỉnh Nghệ An	Đại học Công Đoàn	tài chính doanh nghiệp		NAN00641		47.50	53.75	42.50		NAN00485
154	Trần Thu	Hằng				10	1	1988	xã cát Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Đại Học kinh tế Quốc Dân	Kinh tế quản lý tài nguyên môi trường	Con TB	NAN00642	20	87.50	57.50	80.00		NAN00112
155	Đặng Thị Phước	Hạnh				14	11	1991	Thanh Liên, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc Dân	Tài chính doanh nghiệp		NAN00651		77.50	53.75	52.50		NAN00621
156	Nguyễn Mỹ	Hạnh				20	12	1987	Xã Xuân Hòa, huyện Nam Đàn, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh tổng hợp		NAN00658		57.50	MT	62.50		NAN00665
157	Nguyễn Thị	Hạnh				1	7	1990	Xã Minh Sơn, huyện Đỗ Lương, Nghệ An	Học viện tài chính	Thuế		NAN00662		77.50	42.50	77.50		NAN00224
158	Nguyễn Thị	Hạnh				7	10	1989	Diễn Phúc, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh quốc tế		NAN00659		VT	VT	VT		NAN00284
159	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh				24	5	1983	Hưng Dũng, TP Vinh, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		NAN00664		77.50	40.00	70.00		NAN00404
160	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh				21	10	1992	Xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, TP Vinh, Nghệ An	Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		NAN00670		52.50	32.50	67.50		NAN00128
161	Phạm Thị	Hạnh				15	10	1990	Xóm 1, xã Nghĩa Đức, huyện Nghĩa Đức, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An	Đại Học Đồng Tháp	Kế toán		NAN00677		67.50	43.75	57.50		NAN00150
162	Phạm Thị	Hạnh				3	8	1990	Hiệp Hòa, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	Đại học thương mại	Kinh tế thương mại		NAN00676		VT	VT	VT		NAN00311
163	Trần Thị Mỹ	Hạnh				30	10	1990	Xóm 4, Quỳnh Giang, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Đại học kiến trúc Đà Nẵng	Kế toán		NAN00679		VT	VT	VT		NAN00021
164	Văn Thị Nhật	Hạnh				3	12	1986	xã Sơn Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		NAN00682		60.00	38.75	52.50		NAN00361
165	Lê Chí	Hào	4	1	1985				Thị Trấn Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán- Kiểm toán		NAN00684		VT	VT	VT		NAN00622
166	Lê Thị	Hào				3	9	1986	Xã Văn Diễn, Nam Đàn, Nghệ An	Đại học mỏ địa chất	Kế toán doanh nghiệp		NAN00686		VT	VT	VT		NAN00584
167	Nguyễn Thị	Hào				20	10	1993	xóm 8, xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kiểm toán		NAN00688		VT	VT	VT		NAN00783
168	Trương Thị Hồng	Hào				23	7	1991	Thạch Khê, Thạch Hà, Hà Tĩnh	Đại học Nông nghiệp 1 Hà Nội	Kinh tế		NAN00689		VT	VT	VT		NAN00535
169	Ngô Thị Bích	Hậu				1	8	1992	xã Diễn Kim, Diễn Châu, Nghệ An	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN00690		VT	VT	VT		NAN00269
170	Thái Thị	Hậu				21	3	1990	Nghi Ân, Tp Vinh, Tỉnh Nghệ An	Đại học Ngoại thương	Ngân hàng	Con TB	NAN00693	20	70.00	70.00	57.50		NAN00610
171	Nguyễn Thị	Hiền				15	4	1988	Nghĩa Hành, Tân Kỳ, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán	Con NHDKC bị NCDHH	NAN00695	20	40.00	23.75	40.00		NAN00268
172	Bùi Thị	Hiền				8	2	1983	Yên Sơn, Huyện Đỗ Lương, Nghệ An	Đại học Điện lực	Kế toán		NAN00697		35.00	25.00	32.50		NAN00392
173	Cao Thị Thanh	Hiền				30	8	1992	xã Diễn Hoa, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế		NAN00698		60.00	61.25	60.00		NAN00161

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
174	Đâu Thị	Hiền				3	9	1990	Khởi Quang Trung, Phường Quỳnh Dị, TX Hoàng Mai, Nghệ An	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN00700		VT	VT	VT		NAN00345
175	Đâu Thị Phương	Hiền				4	7	1988	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Đại học công đoàn	tài chính doanh nghiệp		NAN00701		VT	VT	VT		NAN00659
176	Hồ Thị	Hiền				26	4	1991	Lưu Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán	Con BB	NAN00706	20	VT	VT	VT		NAN00767
177	Lê Thị Thanh	Hiền				19	8	1992	Hưng Đông, Nghệ An	Đại học Mở Hà Nội	Luật Kinh tế		NAN00720		40.00	50.00	37.50		NAN00240
178	Lê Thị Thu	Hiền				15	3	1994	Xóm 9, xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Đại Học kinh tế Huế	Kế toán - Kiểm Toán		NAN00721		VT	VT	VT		NAN00155
179	Nguyễn Thị	Hiền				6	10	1993	Xóm 5, Nga Lĩnh, Nga Sơn, Thanh Hóa	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		NAN00728		VT	VT	VT		NAN00680
180	Nguyễn Thị	Hiền				20	1	1990	Nam Bình,Hoảng Cát, Hoảng Hóa, Thanh Hóa	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN00726		100.00	57.50	92.50		NAN00243
181	Nguyễn Thị Phương	Hiền				4	6	1990	xóm 11, xã Nghi Vạn, huyện Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân	Ngân hàng		NAN00731		VT	VT	VT		NAN00421
182	Nguyễn Thị Thu	Hiền				27	12	1993	huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	Học viện Tài chính	Ngân hàng		NAN00736		VT	VT	VT		NAN00010
183	Phạm Thị	Hiền				1	3	1989	Hưng Nhân, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học ngoại thương Hà Nội	Tài chính ngân hàng		NAN00740		VT	MT	VT		NAN00575
184	Phan Thị Thu	Hiền				8	9	1989	Nhân thành, Yên thành, tỉnh Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kiểm toán		NAN00746		VT	VT	VT		NAN00098
185	Thái Thị	Hiền				10	7	1990	Xóm Đông Xuân, Xã Hòa Sơn, Huyện Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	Học viện tài chính	Kiểm toán		NAN00748		90.00	52.50	80.00		NAN00244
186	Trần Thị	Hiền				7	8	1992	xóm Điện Biên, xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Học viện tài Chính	Quản lý tài chính công		NAN00750		VT	VT	VT		NAN00105
187	Trần Thị Thu	Hiền				24	8	1991	Hưng Lợi, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học kinh doanh công nghệ Hà Nội	Ngân hàng		NAN00754		92.50	60.00	80.00		NAN00030
188	Uông Thị Thu	Hiền				9	9	1990	Xã Hưng lộc, Tp.Vinh, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài Chính	Ngân Hàng		NAN00758		VT	VT	VT		NAN00117
189	Lê Sỹ	Hiền	11	11	1992				xã Hưng Thông, Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	tài chính ngân hàng		NAN00766		VT	VT	VT		NAN00765
190	Lê Văn	Hiệp	25	7	1993				Xã Quang Sơn, huyện Đô Lương, Nghệ An	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		NAN00769		VT	VT	VT		NAN00531
191	Trần Thị	Hiệp				20	5	1988	Mẫu Đức, Con Cuông, Nghệ An	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN00772		VT	VT	VT		NAN00370
192	Trần Văn	Hiệp	22	5	1993				Thanh Chương, Nghệ An	Đại Học Vinh	tài chính - ngân hàng		NAN00773		55.00	33.75	67.50		NAN00086
193	Vũ Lê	Hiếu	2	8	1989				xã Quỳnh Vinh, TX Hoàng Mai, Nghệ An	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	tài chính ngân hàng		NAN00785		30.00	28.75	35.00		NAN00444
194	Hoàng Thị Mai	Hoa				12	5	1991	Thị trấn Quý Hợp, Nghệ An	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp	Con TB	NAN00790	20	75.00	41.25	50.00		NAN00299
195	Hoàng Thị Ngọc	Hoa				1	9	1987	Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính doanh nghiệp	Con TB	NAN00791	20	VT	VT	VT		NAN00072
196	Lê Thị	Hoa				15	8	1990	Khối 9, Phường Quỳnh Xuân, Thị Xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	Học viện tài chính	Quản trị doanh nghiệp		NAN00793		85.00	47.50	70.00		NAN00241
197	Lê Thị Thanh	Hoa				10	10	1986	Hưng Nguyên, Nghệ An	Viện Đại học Mở Hà Nội	Kế toán		NAN00794		37.50	40.00	47.50		NAN00271
198	Lê Thị Tuyết	Hoa				6	7	1994	xóm Luân Sơn, Đông Văn, Thanh Chương, Nghệ An	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN00795		75.00	37.50	80.00		NAN00503
199	Nguyễn Thị	Hoa				20	11	1988	khối 13, phường Trung Đô, TP Vinh, tỉnh Nghệ An	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		NAN00801		60.00	MT	57.50		NAN00761
200	Nguyễn Thị Mỹ	Hoa				20	1	1990	xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Đại học Kinh tế quốc dân	Ngân hàng	Con TB	NAN00803	20	VT	VT	VT		NAN00254
201	Phạm Thị Ngọc	Hoa				28	5	1988	Nghi Phương, Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán		NAN00808		VT	VT	VT		NAN00436
202	Phạm Thị Quỳnh	Hoa				19	4	1992	Nam Trung, Nam Đàn, Nghệ An	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN00809		95.00	71.25	82.50		NAN00197
203	Phan Thị Thanh	Hoa				20	5	1990	xã Thanh Xuân, huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An	Học viện Tài chính	Tài chính ngân hàng	DTTS	NAN00811	20	VT	VT	VT		NAN00601

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
204	Trần Thị	Hoa				26	10	1993	Xã Hưng Lĩnh, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN00812		VT	VT	VT		NAN00609
205	Vương Thị	Hoa				7	8	1994	Nghi Thái, Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế phát triển		NAN00815		VT	VT	VT		NAN00273
206	Nguyễn Thị	Hóa				10	12	1989	xóm 10, xã Trảng Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán	Con TB	NAN00816	20	37.50	40.00	40.00		NAN00441
207	Chế Lê	Hòa				20	7	1993	Xã Thủy Thanh, huyện Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		NAN00817		VT	VT	VT		NAN00233
208	Chu Thị	Hòa				1	4	1993	Nghi Hưng, Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học Kỹ thuật công nghiệp Thái Nguyên	Kế toán doanh nghiệp công nghiệp	Con TB	NAN00818	20	50.00	28.75	45.00		NAN00165
209	Đặng Thị Lê	Hòa				11	3	1989	xã Hưng Lộc, Tp.vinh, Nghệ An	Học Viện Tài Chính	Quản lý tài chính Công		NAN00819		90.00	42.50	87.50		NAN00697
210	Đỗ Thị	Hòa				2	7	1991	xóm Đồng Thượng, xã Đồng Văn, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học điện lực	Kế toán		NAN00820		67.50	26.25	52.50		NAN00597
211	Lê Thị Khánh	Hóa				3	2	1992	LOC YẾN - HƯƠNG KHẾ - HÀ TĨNH	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP		NAN00823		92.50	65.00	72.50		NAN00139
212	Bùi Thị Thu	Hoài				23	10	1990	xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu, Nghệ An	Đại học Ngoại Thương	Ngân hàng		NAN00837		VT	VT	VT		NAN00186
213	Nguyễn Thị Thanh	Hoài				10	7	1985	Nghi Thạch, Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học Sài Gòn	Kế toán		NAN00843		62.50	35.00	35.00		NAN00382
214	Nguyễn Thị Thu	Hoài				21	9	1991	xóm 2, Hưng Xá, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh	tài chính ngân hàng		NAN00844		82.50	53.75	65.00		NAN00377
215	Phạm Thị	Hoài				1	3	1992	xóm 1, Hội Sơn, Anh Sơn, Nghệ An	Đại học Đà Lạt	Kế toán		NAN00845		95.00	41.25	75.00		NAN00581
216	Ngô Quang	Hoàn	27	10	1992				xóm 8, Quỳnh Hưng, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Học viện Tài chính	Chứng khoán		NAN00848		55.00	30.00	60.00		NAN00585
217	Võ Thị	Hoàn				4	4	1993	xã Nghi Mỹ, Nghi Lộc, Nghệ An	Học viện Ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp	Con TB	NAN00850	20	VT	VT	VT		NAN00034
218	Bùi Thái	Hoàng	7	1	1992				Diễn Kim, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân	Quản trị doanh nghiệp		NAN00852		VT	VT	VT		NAN00336
219	Lê	Hoàng	31	8	1994				Sơn Hà, Hương Sơn, Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế - Đại học Quốc Gia Hà Nội	Kế toán		NAN00856		72.50	71.25	80.00		NAN00078
220	Lê Đình	Hoàng	1	3	1986				Trảng Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp	Con TB	NAN00857	20	VT	VT	VT		NAN00462
221	Lê Thiên	Hoàng	25	10	1991				xóm 11, xã Nghi Trung, Nghi Lộc, Nghệ An	Học viện tài chính	Quản lý tài chính công	Con TB	NAN00858	20	55.00	33.75	50.00		NAN00723
222	Nguyễn Khánh	Hoàng	18	3	1992				xóm Kỳ, Hưng Tây, huyện Hưng nguyên, tỉnh Nghệ An	Đại Học kinh tế Quốc Dân	Kiểm Toán		NAN00860		VT	VT	VT		NAN00149
223	Trần Minh	Hoàng	19	9	1995				xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Đại học kinh tế - Đại học quốc gia Hà Nội	Kinh tế		NAN00866		87.50	43.75	67.50		NAN00456
224	Đinh Thị Bích	Hồng				21	8	1992	xã Đức Lâm, huyện Đức Thọ, Hà Tĩnh	Đại học Ngoại thương Hà Nội	Kinh tế đối ngoại		NAN00873		VT	VT	VT		NAN00790
225	Hà Thị	Hồng				20	11	1990	xóm 4, xã Đại Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Đại Học Nha Trang	Kế toán	Con TB	NAN00874	20	75.00	22.50	67.50		NAN00093
226	Hoàng Thị Ánh	Hồng				9	7	1992	xã Hưng Lĩnh, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán doanh nghiệp		NAN00875		VT	VT	VT		NAN00753
227	Lê Thị Thu	Hồng				17	4	1989	Lam Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán		NAN00878		45.00	41.25	70.00		NAN00065
228	Lưu Hoàng	Hồng				27	6	1984	xã Hưng Lộc, TP.Vinh, Nghệ An	Đại học Thương Mai	Thương mại Quốc tế		NAN00880		VT	VT	VT		NAN00701
229	Nguyễn Thị	Hồng				17	3	1989	xã Hưng Hòa, Tp.Vinh, Nghệ An	Đại học Vinh	Tài chính ngân hàng		NAN00884		VT	VT	VT		NAN00699
230	Thái Doãn	Hồng	18	8	1983				xã Thịnh Sơn, Huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc Dân	Thương mại quốc tế	Con TB	NAN00891	20	80.00	71.25	62.50		NAN00618
231	Vũ Thị	Hồng				14	8	1986	Quỳnh Hồng, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Đại học công nghệ giao thông vận tải	Kế toán doanh nghiệp		NAN00893		VT	VT	VT		NAN00637
232	Nguyễn Thị	Huế				24	9	1993	Thanh Tùng, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kế hoạch		NAN00901		VT	VT	VT		NAN00633
233	Hồ Thị	Huê				20	1	1992	xóm 1, Quỳnh Vãn, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Đại học Huế	Luật hình sự		NAN00903		45.00	30.00	40.00		NAN00796
234	Nguyễn Thị	Huê				10	5	1991	xóm 2, Thanh Vãn, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		NAN00908		VT	VT	VT		NAN00270

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
235	Phan Thị	Huệ				16	1	1985	xã Hoa Thành, Yên Thành, Nghệ An	Đại học Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		NAN00915		VT	VT	VT		NAN00357
236	Trần Thị	Huệ				10	11	1987	xóm 6, xã Xuân Luân, Nam Đàn, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp	Con TB	NAN00916	20	VT	VT	VT		NAN00797
237	Nguyễn Anh	Hùng	22	7	1991				Hưng Lĩnh, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học kinh tế - Đại học Đà Nẵng	ngân hàng		NAN00926		VT	VT	VT		NAN00660
238	Nguyễn Xuân	Hùng	13	9	1991				Xã Hưng Long, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	Đại học Lâm nghiệp Việt Nam	Kế toán		NAN00927		62.50	56.25	70.00		NAN00063
239	Hồ Duy	Hưng	17	2	1992				Đức Quang, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	Học Viện Tài Chính	Thuế		NAN00932		VT	VT	VT		NAN00694
240	Quản Việt	Hưng	23	11	1990				Xã Châu Quang, huyện Quỳ Hợp, Nghệ An	Học viện tài chính	Thuế	DTTS	NAN00940	20	60.00	23.75	67.50		NAN00399
241	Nguyễn Thị	Hương				2	2	1992	Xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ an	Đại Học Vinh	Luật		NAN00969		VT	VT	VT		NAN00152
242	Nguyễn Thị Diệu	Hương				11	12	1987	xóm 5, Trung Thành, Yên Thành, Nghệ An	Đại học Vinh	Tài chính ngân hàng		NAN00971		VT	VT	VT		NAN00578
243	Nguyễn Thị Mai	Hương				3	5	1984	Hưng Long, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán- Kiểm toán		NAN00976		VT	VT	VT		NAN00626
244	Nguyễn Thị Thanh	Hương				2	2	1993	Kỳ Tân, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Đại học Vinh	Kế toán		NAN00981		VT	VT	VT		NAN00564
245	Phạm Thị Thiên	Hương				1	12	1992	Xóm 6, xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, Nghệ An	Học viện tài chính	Kế toán		NAN00985		VT	VT	VT		NAN00428
246	Trần Mai	Hương				10	10	1990	Thị trấn Anh Sơn, Huyện Anh Sơn, Nghệ An	Đại học Lao Động Xã Hội	Kế toán		NAN00988		VT	VT	VT		NAN00708
247	Chu Thị	Hường				20	2	1987	Xóm Phong Đăng, xã Hưng Hòa, thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán		NAN00995		VT	VT	VT		NAN00819
248	Đặng Thị	Hường				25	7	1992	xóm 11, Phúc Sơn, Anh Sơn, Nghệ An	Đà học Đà Lat	Kế toán		NAN00996		97.50	40.00	75.00		NAN00580
249	Võ Thị	Hường				18	5	1986	khối 8, thị trấn Đô Lương, Nghệ An	Đại học Kinh tế Huế	Kinh tế nông nghiệp		NAN01000		VT	VT	VT		NAN00253
250	Nguyễn Thế	Hữu	16	9	1987				xã Sơn Ninh, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học quốc gia Hà Nội	Kế toán, phân tích và kiểm toán		NAN01001		VT	VT	VT		NAN00636
251	Bùi Thị	Huyền				17	10	1992	Lưu Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Đại học Vinh	Luật		NAN01016		VT	VT	VT		NAN00431
252	Bùi Thị	Huyền				5	5	1991	Xã Cẩm Tiến, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		NAN01015		82.50	47.50	85.00		NAN00662
253	Bùi Thị Thanh	Huyền				15	3	1992	Xã Nam Thanh, Huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Tài chính ngân hàng	Con TB	NAN01018	20	VT	VT	VT		NAN00342
254	Bùi Thị Thu	Huyền				28	10	1994	Thôn 02, Xã Lĩnh Sơn, Huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN01019		VT	VT	VT		NAN00338
255	Hồ Thu	Huyền				8	1	1989	Xã Hưng Tân, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán kiểm toán		NAN01030		67.50	26.25	57.50		NAN00807
256	Hoàng Thị	Huyền				26	9	1994	xã Lăng Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		NAN01033		VT	VT	VT		NAN00340
257	Hoàng Thị	Huyền				27	7	1993	xã Hưng Hòa, TP Vinh, Nghệ An	Đại học Ngoại thương	Ngân hàng và tài chính quốc tế		NAN01031		72.50	MT	72.50		NAN00012
258	Lê Thị	Huyền				18	4	1994	xã Quỳnh Trang, TX Hoàng Mai, Nghệ An	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		NAN01038		VT	VT	VT		NAN00794
259	Lô Khánh	Huyền				22	11	1993	Xã Chi Khê, huyện Con Cuông, Nghệ An	Học viện chính sách và phát triển	Tài chính công	DTTS	NAN01042	20	87.50	47.50	67.50		NAN00555
260	Ngô Thị Thương	Huyền				1	12	1986	Diễn Hạnh, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học Thương mại	Kế toán		NAN01044		VT	VT	VT		NAN00714
261	Nguyễn Thị	Huyền				4	10	1994	Xóm 6, xã Thanh Dương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Học viện Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp		NAN01050		70.00	42.50	72.50		NAN00049
262	Nguyễn Thị	Huyền				12	9	1991	Xóm 4, xã Xuân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ an	Đại Học Luật Hà Nội	Luật		NAN01048		45.00	40.00	37.50		NAN00146
263	Nguyễn Thị	Huyền				24	2	1990	xã Phong Thịnh, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Học viện Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp		NAN01047		100.00	61.25	90.00		NAN00199

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ	
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học			
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
	264	Nguyễn Thị Mai	Huyền				26	3	1993	phường Trường Thi, Tp Vinh, Nghệ An	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN01052		VT	VT	VT		NAN00198
	265	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền				6	6	1994	xã Nam Tân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Đại học Ngoại thương Hà Nội	Luật thương mại quốc tế		NAN01053		80.00	72.50	85.00		NAN00645
	266	Nguyễn Thị Thanh	Huyền				29	9	1994	Sơn Tây, Hương Sơn, Hà Tĩnh	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		NAN01062		47.50	47.50	70.00		NAN00727
	267	Nguyễn Thị Thanh	Huyền				13	4	1994	Xã Thanh Tiên, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học thương mại	Tài chính ngân hàng		NAN01061		VT	VT	VT		NAN00776
	268	Nguyễn Thị Thanh	Huyền				10	10	1993	xã Xuân Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Đại học Ngoại thương	Ngân hàng		NAN01058		50.00	80.00	60.00		NAN00011
	269	Nguyễn Thị Thanh	Huyền				2	4	1993	Xã Thanh Tùng, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Luật Hà Nội	Luật		NAN01059		VT	VT	VT		NAN00398
	270	Nguyễn Thị Thanh	Huyền				10	4	1991	xã Hưng Phúc, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Học viện tài chính	Quản lý tài chính công		NAN01056		VT	VT	VT		NAN00460
	271	Phan Thị	Huyền				20	10	1992	Quỳnh Bá, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Học viện tài chính	Kiểm toán		NAN01069		80.00	55.00	85.00		NAN00354
	272	Phan Thị Thanh	Huyền				12	10	1990	xóm 8 xã tăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Học viện Ngân hàng	ngân hàng thương mại	Con TB	NAN01071	20	VT	VT	VT		NAN00658
	273	Quán Thị Hương	Huyền				4	11	1994	Khối 11, Thị Trấn Quỳnh Hợp, Huyện Quỳnh Hợp, Nghệ An	Đại học Luật Hà Nội	Luật	DTTS	NAN01072	20	65.00	37.50	45.00		NAN00232
	274	Tăng Thị	Huyền				4	3	1993	Diễn Hạnh, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học Vinh	Quản trị kinh doanh		NAN01073		VT	VT	VT		NAN00604
	275	Trần Thị	Huyền				22	12	1993	Xã Cát Văn, huyện Thanh Chương, Nghệ An	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN01077		95.00	57.50	92.50		NAN00038
	276	Trần Thị	Huyền				29	1	1990	xã Quỳnh Giang, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Đại học Luật TP Hồ Chí Minh	Luật hành chính		NAN01075		VT	VT	VT		NAN00369
	277	LÊ HOÀNG QUỐC	KHA	15	10	1989				ĐÔNG SƠN - HÙNG TIẾN - NAM ĐÀN - NGHỆ AN	ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ TP HỒ CHÍ MINH	KẾ TOÁN KIỂM TOÁN		NAN01080		37.50	31.25	27.50		NAN00140
	278	Mai Thị	Khanh				8	2	1992	xóm 2, Diễn Phúc, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học luật Hà Nội	Luật học		NAN01086		VT	VT	VT		NAN00745
	279	Đặng Danh	Khánh	15	11	1988				khối Vĩnh Lâm, phường Đông Vinh, TP Vinh, Nghệ An	Học viện Ngân hàng	Quản trị doanh nghiệp		NAN01089		VT	VT	VT		NAN00780
	280	Võ Thị Vân	Khánh				10	3	1983	Nghi Khánh, Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng	Con TB	NAN01100	20	47.50	33.75	42.50		NAN00275
	281	Phạm Thị	Khuông				20	10	1986	xã Đại Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		NAN01108		VT	VT	VT		NAN00652
	282	Thái Doãn	Kiên	24	4	1990				xã Bài Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Học viện ngân hàng	thanh toán quốc tế	Con NHHKC bị NCDHH	NAN01115	20	VT	VT	VT		NAN00308
	283	Đặng Thị Bạch	Kim				4	4	1990	khối Vĩnh Lâm, phường Đông Vinh, Tp Vinh, Nghệ An	Đại học Thăng Long	tài chính		NAN01122		VT	VT	VT		NAN00786
	284	Dương Ngọc	Kỷ	2	2	1986				xóm 1, Hưng Phúc, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		NAN01124		60.00	55.00	75.00		NAN00749
	285	Nguyễn Thị	Lam				19	6	1989	Hưng lam, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học Điện Lực	Kế toán		NAN01132		VT	VT	VT		NAN00196
	286	Trịnh Thị	Lam				23	4	1985	Thanh Liên, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán	Con TB	NAN01136	20	35.00	27.50	72.50		NAN00329
	287	Hồ Thanh	Lâm	9	4	1985				xã Quỳnh Ván, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Học viện Tài chính	Tài chính quốc tế		NAN01138		82.50	52.50	62.50		NAN00172
	288	Nguyễn Đình	Lâm	24	8	1977				An Bình, Thuận Thành, Bắc Ninh	Đại học Nha Trang	Quản trị kinh doanh		NAN01139		VT	VT	VT		NAN00051
	289	Võ Trường	Lâm	7	7	1990				Diễn Bình, Diễn Châu, Nghệ An	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		NAN01143		82.50	88.75	85.00		NAN00238
	290	Bùi Thị	Lan				22	5	1991	xóm 2 xã Quỳnh Lương, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Đại Học Vinh	Quản trị kinh doanh		NAN01144		62.50	52.50	80.00		NAN00091
	291	Nguyễn Thị	Lan				2	9	1989	xóm 7, xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh tổng hợp		NAN01152		VT	VT	VT		NAN00004
	292	Tăng Thị Ngọc	Lan				15	9	1988	Đô Lương, Nghệ An	Đại học nông lâm TP Hồ Chí Minh	Kế toán		NAN01158		77.50	41.25	72.50		NAN00400
	293	Phan Thị	Lân				6	9	1990	xóm 3, Diễn Quỳnh, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học công nghiệp Hà Nội	Kế toán		NAN01161		VT	VT	VT		NAN00591

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
294	Nguyễn Thị	Lê				18	11	1992	Hưng Lĩnh, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học Ngoại thương Hà Nội	Phân tích và đầu tư tài chính		NAN01168		VT	VT	VT		NAN00654
295	Nguyễn Thị Hồng	Lê				19	10	1983	xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	Học viện tài Chính	tài chính doanh nghiệp	Con TB	NAN01170	20	82.50	51.25	65.00		NAN00088
296	Nguyễn Thị Phương	Lê				14	6	1994	Tân Viên, An Lão, Hải Phòng	Đại học Kinh tế- Đại học Đà Nẵng	Quản trị tài chính		NAN01172		VT	VT	VT		NAN00256
297	Trần Thị	Lê				24	7	1994	Xóm 10, xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Học viện Nông nghiệp	Quản trị kinh doanh		NAN01174		87.50	48.75	90.00		NAN00044
298	Hồ Thị	Liên				20	5	1986	Phường Quỳnh Dị, TX Hoàng Mai, Nghệ An	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN01195		65.00	36.25	62.50		NAN00291
299	Nguyễn Thị	Liên				3	8	1989	Hưng Phúc, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học Vinh	Tài chính - Ngân hàng		NAN01201		VT	VT	VT		NAN00715
300	Đâu Thị	Liễu				22	10	1988	Xóm 2, xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, Nghệ An	Học Viện Nông nghiệp Việt Nam	Quản lý kinh tế		NAN01221		77.50	33.75	52.50		NAN00435
301	Chu Huy	Linh	5	10	1991				Xã Quỳnh Giang, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Học Viện Tài Chính	Tài Chính Doanh Nghiệp	Con TB	NAN01226	20	77.50	80.00	87.50		NAN00154
302	Hoàng Thị Nhật	Linh				5	10	1992	Hưng Tây, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học Vinh	tài chính ngân hàng		NAN01243		VT	VT	VT		NAN00766
303	Hoàng Thị Thủy	Linh				18	8	1994	xã Quỳnh Đôi, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	Đại học Luật Hà Nội	Luật		NAN01244		VT	VT	VT		NAN00480
304	Hoàng Tuấn	Linh	22	4	1990				xã Ngọc Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Đại Học kinh tế Quốc Dân	Kế toán tổng hợp		NAN01245		95.00	45.00	75.00		NAN00110
305	Lê Mỹ	Linh				16	3	1994	Hưng Đạo, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán doanh nghiệp		NAN01249		55.00	45.00	52.50		NAN00261
306	Lê Thị Hoài	Linh				21	1	1989	Thanh Mỹ, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kế hoạch		NAN01250		82.50	56.25	72.50		NAN00375
307	Nguyễn Hồ	Linh	15	10	1988				Xã Hồng Thành, huyện Yên Thành, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Quản lý kinh tế		NAN01258		VT	VT	VT		NAN00668
308	Nguyễn Huy	Linh	20	5	1986				Thôn Phong Giang, xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế địa chính		NAN01260		VT	VT	VT		NAN00787
309	Nguyễn Như	Linh	10	9	1990				Xóm Hòa Nam, xã Thanh Hòa, huyện Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Kinh tế Nghệ An	Kế toán doanh nghiệp		NAN01265		52.50	21.25	32.50		NAN00536
310	Nguyễn Thị	Linh				10	8	1994	Xuân Phổ, Nghi Xuân, Hà Tĩnh	Đại học kinh tế quốc dân	Quản lý kinh tế		NAN01269		72.50	52.50	62.50		NAN00572
311	Nguyễn Thị Ngọc	Linh				29	3	1992	Khối Tân Lâm, phường Hưng Dũng, Tp.Vinh, Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân	kế toán tổng hợp		NAN01276		82.50	62.50	90.00		NAN00411
312	Nguyễn Thị Thủy	Linh				12	4	1994	Xã Long Sơn, huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An	Học viện tài chính	Thuế - Hải quan		NAN01287		62.50	31.25	87.50		NAN00231
313	Nguyễn Thị Thủy	Linh				23	2	1994	Phường Bến Thủy, TP Vinh, Nghệ An	Đại học Vinh	Luật		NAN01289		VT	VT	VT		NAN00425
314	Nguyễn Thị Thủy	Linh				17	1	1991	Quỳnh Hải, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		NAN01282		VT	VT	VT		NAN00788
315	Nguyễn Thị Thủy	Linh				18	10	1989	Quảng Trường, Quảng Xương, Thanh Hóa	Đại Học Staffor dshirie	Quản trị kinh doanh		NAN01281		92.50	MT	80.00		NAN00116
316	Nguyễn Thị Thủy	Linh				12	12	1987	Xã Minh Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Học viện ngân hàng	Ngân hàng- Thương mại		NAN01280		52.50	33.75	65.00		NAN00541
317	Nguyễn Thị Tùng	Linh				12	11	1994	xã cát Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Đại Học Luật Hà Nội	Luật học		NAN01291		70.00	51.25	52.50		NAN00094
318	Nguyễn Thủy	Linh				10	9	1991	xóm Xuân Hoa, xã Nghi Đức, Tp Vinh, Nghệ An	Trường Đại học Vinh	Kế toán		NAN01293		90.00	31.25	55.00		NAN00449
319	Nguyễn Trung	Linh	16	12	1988				phường Hưng Dũng, TP Vinh, Nghệ An	Học viện Tài chính	Thuế		NAN01295		77.50	46.25	67.50		NAN00599
320	Nguyễn Văn	Linh	16	2	1994				Xóm kim Hòa, xã Nghi Ân, TP Vinh, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư	Con BB	NAN01297	20	VT	VT	VT		NAN00510
321	Phạm Thị Ái	Linh				8	11	1994	thôn 2, xã Sơn Long, huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh	Đại học Vinh	Kế toán tổng hợp		NAN01299		VT	VT	VT		NAN00319
322	Phạm Thị Diệu	Linh				14	1	1992	Đức Hòa, Đức Thọ, Hà Tĩnh	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		NAN01300		VT	VT	VT		NAN00594

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
323	Phạm Thị Thủy	Linh				20	1	1991	Khởi Xuân Khoa, Thị trấn Nam Đàn, Nghệ An	Đại học Vinh	Tài chính - Ngân hàng		NAN01303		VT	VT	VT		NAN00664
324	Phan Thị thủy	Linh				4	9	1991	xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Học viện tài Chính	Tài chính Ngân hàng		NAN01308		95.00	72.50	85.00		NAN00084
325	Phan Thị Thủy	Linh				4	6	1990	Xã Thanh Hưng, Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán	Con TB	NAN01307	20	VT	VT	VT		NAN00060
326	Thái Phương	Linh				6	3	1983	phường Hồng Sơn, TP Vinh, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		NAN01310		VT	VT	VT		NAN00592
327	Trần Thị	Linh				16	1	1992	Hưng Nguyên, Nghệ An	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		NAN01316		VT	VT	VT		NAN00389
328	Trần Thị Diệu	Linh				12	8	1992	Xóm 17, xã Nghi Thuận, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	Đại học Ngoại Thương	Tài chính quốc tế		NAN01318		VT	VT	VT		NAN00250
329	Trần Thủy	Linh				21	12	1993	khối 3, phường Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An	Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Kinh tế và quản lý công		NAN01323		92.50	40.00	67.50		NAN00118
330	Trương Mỹ	Linh				16	8	1993	Phường Tào Xuyên, Thành phố Thanh Hóa	Đại học Ngoại thương	Quản trị kinh doanh quốc tế		NAN01325		82.50	60.00	80.00		NAN00287
331	Vương Thị Thủy	Linh				20	3	1988	Thạch Liên, Thạch Hà, Hà Tĩnh	Đại Học Vinh	Kế toán		NAN01331		85.00	38.75	80.00		NAN00096
332	Bùi Thị Phương	Loan				2	9	1994	Đức Quang, Đức Thọ, Hà Tĩnh	Đại học Vinh	Kế toán		NAN01333		70.00	58.75	47.50		NAN00496
333	Lê Thị	Loan				7	1	1992	Xóm 7, Diễn Xuân, Diễn Châu, Nghệ An	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Kế toán	Con TB	NAN01338	20	VT	VT	VT		NAN00216
334	Lương Văn	Loan	15	6	1990				Nga My, Tương Dương, Nghệ An	Đại học kinh tế - Đại học quốc gia Hà Nội	Tài chính	DTTS	NAN01341	20	VT	VT	VT		NAN00681
335	Nguyễn Thị	Loan				29	9	1992	Xã Diễn Hoa, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		NAN01347		50.00	30.00	67.50		NAN00666
336	Phạm Thị	Loan				22	3	1985	Thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, Nghệ An	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN01354		67.50	23.75	80.00		NAN00258
337	Đặng Thị	Lộc				28	4	1994	xóm 1A, Nghi Kiều, Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học kinh tế - ĐH Huế	Ngân hàng		NAN01359		52.50	50.00	85.00		NAN00447
338	Ngô Thị	Lộc				31	10	1992	Xã Diễn Kỳ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Đại Học Luật Hà Nội	Luật	Con TB	NAN01360	20	85.00	55.00	77.50		NAN00157
339	Đặng Hoàng	Lợi	3	9	1993				xã Xuân Giang, Nghi Xuân, Hà Tĩnh	Đại học Lao động xã hội	Kế toán		NAN01363		VT	VT	VT		NAN00316
340	Nguyễn Thị	Lợi				2	3	1991	xã Hưng Đông, TP Vinh, tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Luật		NAN01365		VT	VT	VT		NAN00648
341	Nguyễn Thị Ngọc	Long				16	12	1991	Xóm Phi Nam, Xã Vĩnh Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán	Con BB	NAN01371	20	90.00	56.25	75.00		NAN00752
342	Vi Thị Thanh	Luân				3	8	1993	bản Sơn Thành, xã Tà Ca, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Luật	DTTS	NAN01374	20	40.00	20.00	42.50		NAN00187
343	Phan Thị	Lực				16	7	1993	Diễn Thành, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN01376		72.50	41.25	57.50		NAN00552
344	Nguyễn Thị	Lương				28	2	1991	xã Quảng Lợi, thị xã Ba Đồn, Quảng Bình	Đại học Luật huế	Kinh tế quốc tế		NAN01380		55.00	25.00	35.00		NAN00710
345	Nguyễn Thị	Lưu				17	10	1986	Xã Nghi Hợp, Huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Đại học Giao thông vận tải	Kế toán tổng hợp		NAN01382		52.50	38.75	65.00		NAN00227
346	Phan Thị	Luyến				22	12	1990	xã Thuận Sơn, Huyện Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN01389		95.00	68.75	60.00		NAN00751
347	Đậu Thị Khánh	Ly				16	8	1993	Hưng Khánh, Hưng Nguyên, Nghệ An	Học Viện Nông nghiệp Việt Nam	Kế toán		NAN01392		VT	VT	VT		NAN00433
348	Dương Thị Hương	Ly				16	9	1993	khối 3, thị trấn Nghi Xuân, Hà Tĩnh	Đại học Vinh	tài chính ngân hàng		NAN01395		VT	VT	VT		NAN00646
349	Lê Thị Hải	Ly				4	11	1991	xã Thịnh Sơn, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học kinh tế quốc dân	Ngân hàng		NAN01403		67.50	62.50	50.00		NAN00080
350	Nguyễn Thảo	Ly				11	11	1994	Diễn Hồng, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học Luật Hà Nội	Luật		NAN01409		VT	VT	VT		NAN00294
351	Nguyễn Thị	Ly				1	1	1988	Quảng Đông, TP Thanh Hóa, Thanh Hóa	Đại học Nha Trang	Tài chính		NAN01410		VT	VT	VT		NAN00523
352	Nguyễn Thị Khánh	Ly				1	4	1994	Kỳ Lạc, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế Quốc Dân	Kinh tế hải quan		NAN01414		80.00	75.00	70.00		NAN00612

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ	
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học			
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
	353	Thái Thị	Ly				9	8	1990	Vân Thành, Yên Thành, Nghệ An	Đại học công nghiệp TP HCM	Kế toán - Kiểm toán		NAN01424		52.50	37.50	45.00		NAN00283
	354	Trần Thị Thùy	Ly				8	1	1993	Châu Hưng, xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học ngoại thương	Phân tích và đầu tư tài chính		NAN01429		87.50	66.25	72.50		NAN00040
	355	Đặng Thị Ngọc	Mai				6	11	1989	xã Cẩm Huy, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học quốc gia Hà Nội	Luật kinh tế, lao động		NAN01436		VT	VT	VT		NAN00295
	356	Hồ Thị Ngọc	Mai				8	8	1992	xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN01437		95.00	62.50	70.00		NAN00184
	357	Hồ Thị Sương	Mai				28	11	1991	Quỳnh Diễn, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Đại học kinh tế- đại học QGHN	Tài chính		NAN01438		VT	VT	VT		NAN00725
	358	Nguyễn Thị	Mai				19	7	1992	Hoảng Quý, Hoảng Hóa, Thanh Hóa	Đại học Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại		NAN01446		97.50	71.25	87.50		NAN00193
	359	Nguyễn Thị	Mai				9	4	1990	Bình Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Thương Mai	tài chính ngân hàng thương mại		NAN01445		85.00	71.25	87.50		NAN00643
	360	Nguyễn Thị Ngọc	Mai				26	12	1993	Nghi Hương, Nghi Lộc, Nghệ An	Học viện Tài chính	Quản lý tài chính công		NAN01448		85.00	25.00	77.50		NAN00190
	361	Nguyễn Thị Ngọc	Mai				11	6	1990	xã Hưng Tây, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN01447		62.50	32.50	70.00		NAN00358
	362	Nguyễn Thị Phương	Mai				6	10	1990	Xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Đại học Bách khoa Hà Nội	Quản trị kinh doanh		NAN01449		97.50	53.75	92.50		NAN00043
	363	Trần Ngọc	Mai				10	3	1992	Xã Thanh Long, Thanh Chương, Nghệ An	Học viện nông nghiệp Việt Nam	Kế toán		NAN01455		VT	VT	VT		NAN00799
	364	Trần Thị Lê	Mai				18	4	1991	Xã Hưng Xá, huyện Hưng Nguyên, Nghệ An	Học Viện công nghệ bưu chính viễn thông	Quản trị kinh doanh		NAN01456		90.00	67.50	87.50		NAN00328
	365	Trần Thị Phương	Mai				14	10	1991	Hiển Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh		NAN01457		VT	VT	VT		NAN00730
	366	Phạm Thị	Mân				24	11	1990	Xóm 7, xã Nghi Diễn, Huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân	Quản lý kinh tế		NAN01462		VT	VT	VT		NAN00432
	367	Phan Thị	Mận				12	9	1992	xã Vinh Thành, Yên Thành, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		NAN01465		85.00	46.25	65.00		NAN00297
	368	Nguyễn Tuấn	Mạnh	28	5	1986				xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Học viện tài chính	Kinh tế, tài chính, ngân hàng	Con TB	NAN01466	20	40.00	41.25	35.00		NAN00312
	369	Nguyễn Xuân	Mạnh	12	7	1992				Xã Quỳnh Vãn, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		NAN01467		VT	VT	VT		NAN00663
	370	Võ Thị	Mây				6	7	1993	xã Hưng Xá, huyện Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học Vinh	Quản trị kinh doanh		NAN01472		42.50	28.75	70.00		NAN00509
	371	Hồ Diễn	Minh	9	2	1991				xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc Dân	Kinh tế quốc tế		NAN01484		VT	VT	VT		NAN00789
	372	Hồ Thị Hồng	Minh				4	4	1992	Phường Vinh Tân, Tp Vinh, Nghệ An	Đại học kinh tế Nghệ An	Kinh tế		NAN01486		70.00	47.50	75.00		NAN00383
	373	Lê Thị Hồng	Minh				9	10	1992	Xóm 4, xã Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài chính	Thuế	Con TB	NAN01490	20	85.00	MT	87.50		NAN00806
	374	Lê Thị Thanh	Minh				22	12	1993	Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, Nghệ An	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN01492		50.00	33.75	65.00		NAN00211
	375	Lê Thị Thùy	Minh				27	9	1985	xã Bắc Sơn, huyện Đô Lương, Nghệ An	Đại học dân lập Phương Đông	Kế toán - Kiểm toán		NAN01493		40.00	45.00	60.00		NAN00317
	376	Phạm Thị Quỳnh	Minh				31	8	1992	xã Sơn Hà, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh	Học viện tài Chính	thuế		NAN01503		80.00	58.75	70.00		NAN00101
	377	Phan Hồng	Minh	14	10	1984				Xóm 14, xã Diễn Lộc, huyện Diễn châu, tỉnh Nghệ An	Đại Học Công Đoàn	Quản Trị Kinh Doanh		NAN01505		30.00	51.25	30.00		NAN00148
	378	Võ Thị	Minh				24	4	1985	xã Diễn Thọ, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh tổng hợp	Con TB	NAN01509	20	VT	VT	VT		NAN00296
	379	Bùi Thị	Mùi				22	2	1991	xã Thanh Tùng, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Học viện tài Chính	Kế toán doanh nghiệp	Con TB	NAN01513	20	95.00	52.50	87.50		NAN00090
	380	Lương Thị	Mùi				29	6	1991	xã Trảng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Học viện tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN01514		95.00	62.50	90.00		NAN00352

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
381	Dương Trà	My				25	10	1988	Xã Hưng Lộc, Tp Vinh, Tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân	Quản trị kinh doanh tổng hợp		NAN01517		72.50	61.25	65.00		NAN00325
382	Hoàng Thị Hà	My				3	8	1986	Xã Kỳ Bắc, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Đại học lâm nghiệp	Kế toán		NAN01518		VT	VT	VT		NAN00747
383	Ngô Thị Trà	My				23	10	1992	Hưng Thái, Huyện Hưng Nguyên, Nghệ An	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN01521		62.50	46.25	75.00		NAN00437
384	Nguyễn Thị Trà	My				4	2	1991	Thanh Dương, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Vinh	Tài chính ngân hàng		NAN01528		57.50	33.75	55.00		NAN00024
385	Nguyễn Thị Thanh	Mỹ				10	7	1987	Nghi Đức, TP Vinh, tỉnh Nghệ An	Học viện Ngân Hàng	tài chính - doanh nghiệp	Con TB	NAN01536	20	VT	VT	VT		NAN00085
386	Nguyễn Ly	Na				16	9	1990	xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Đại Học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính - Nhà nước		NAN01541		75.00	33.75	75.00		NAN00099
387	Nguyễn Thị	Na				19	9	1992	Xóm 6, xã Hưng Tiến, Hưng Nguyên, Nghệ An	Học viện tài chính	Thuế		NAN01544		82.50	31.25	70.00		NAN00127
388	Nguyễn Thị	Na				22	4	1987	Xã Nghi Liên, TP Vinh, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN01543		VT	VT	VT		NAN00571
389	Trần Thị Lê	Na				12	11	1989	Quảng Minh, Quảng Trach, Quảng Bình	Đại học Quảng Bình	Kế toán		NAN01549		27.50	22.50	65.00		NAN00183
390	Trương Thị	Na				10	1	1985	Xã Diễn Kim, Huyện Diễn Châu, Nghệ An	Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Quản trị kinh doanh		NAN01550		25.00	26.25	MT		NAN00470
391	Võ Thị An	Na				17	10	1994	khối Quang Trung, thị trấn Nam Đàn, Nghệ An	Đại học Vinh	Tài chính ngân hàng		NAN01551		VT	VT	VT		NAN00744
392	Hoàng Thị Hà	Nam				6	3	1993	xã Kỳ Bắc, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	Đại Học kinh tế Quốc Dân	Hệ thống thông tin quản lý		NAN01553		VT	VT	VT		NAN00108
393	Phan Đăng	Nam	6	4	1992				Xã Đức Bình, huyện Đức Thọ, Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư		NAN01561		80.00	MT	77.50		NAN00132
394	Phan Thị Hoài	Nam				15	5	1979	xã Đức Thành, huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc Dân	Kế toán tổng hợp		NAN01563		57.50	36.25	MT		NAN00611
395	Trần Quốc	Nam	12	3	1991				xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kiểm toán	Con BB	NAN01566	20	27.50	31.25	45.00		NAN00700
396	Dương Thị Thanh	Nga				22	7	1993	xã Cẩm Mỹ, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		NAN01571		95.00	70.00	72.50		NAN00031
397	Hồ Thị Hằng	Nga				27	4	1983	xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Đại học Thương Mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		NAN01572		62.50	76.25	57.50		NAN00459
398	Lê Thị	Nga				20	2	1990	Phúc Thọ, Nghi Lộc, Nghệ An	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN01574		VT	VT	VT		NAN00590
399	Lê Thị Hằng	Nga				29	8	1990	Thạch Tiến, Thạch Hà, Hà Tĩnh	Học viện tài Chính	tài chính - ngân hàng		NAN01577		60.00	46.25	77.50		NAN00092
400	Nguyễn Thị Thanh	Nga				28	9	1991	Diễn Thọ - Diễn Châu - NAN	Đại Học Quy Nhơn	Tài chính doanh nghiệp		NAN01586		VT	VT	VT		NAN00138
401	Trần Thị	Nga				12	6	1989	thôn 1, xã Đình Sơn, huyện Anh Sơn, Nghệ An	Đại học công nghiệp Hà Nội	Kế toán		NAN01591		90.00	43.75	67.50		NAN00179
402	Trịnh Thị Thủy	Nga				3	6	1984	thị trấn Cầu Giát, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp	Con TB	NAN01596	20	95.00	75.00	82.50		NAN00036
403	Vũ Thị	Nga				25	8	1987	Xã Quỳnh vinh, TX Hoàng Mai, Nghệ An	Đại học Đà Nẵng	Kế toán		NAN01600		VT	VT	VT		NAN00598
404	Đoàn Thị Hà	Ngân				22	6	1987	Xã Đức Hồng, Đức Thọ, Hà Tĩnh	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư		NAN01605		VT	VT	VT		NAN00748
405	Ngô Thị Hạnh	Ngân				25	3	1990	xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Đại học ngoại thương	Tài chính quốc tế		NAN01618		VT	VT	VT		NAN00515
406	Nguyễn Hạnh	Ngân				10	7	1995	Quỳnh Thắng, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Ngân hàng		NAN01620		67.50	60.00	75.00		NAN00820
407	Nguyễn Thị	Ngân				20	12	1992	Xóm 11, xã Thanh Dương, huyện Thanh Chương, Nghệ An	Học viện Ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		NAN01625		VT	VT	VT		NAN00136
408	Nguyễn Thị	Ngân				22	12	1982	xóm 16, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân	kế toán	Con TB	NAN01623	20	70.00	27.50	MT		NAN00413
409	Nguyễn Thị Thảo	Ngân				25	7	1994	Nam Thành, Yên Thành, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Quản lý kinh tế		NAN01627		75.00	75.00	67.50		NAN00007
410	Trần Thị	Ngân				8	8	1990	Xóm 6, xã Quỳnh Giang, huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN01632		85.00	42.50	85.00		NAN00050

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
411	Trương Thị	Ngát				26	12	1994	Khối Quang Trung, phường Quỳnh Phương, Thị xã Hoàng Mai, Nghệ An	Học viện tài chính	Thuế		NAN01636		82.50	40.00	80.00		NAN00685
412	Trần Tuấn	Nghĩa	25	9	1990				Khu phố 2, TP Vinh, Nghệ An	Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Tài chính		NAN01642		VT	VT	VT		NAN00135
413	Dương Thị Ánh	Ngọc				20	9	1983	Xóm 8, xã Thịnh Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Đại Học kinh tế Quốc Dân	Kế toán tổng hợp		NAN01648		VT	VT	VT		NAN00158
414	Hồ Lê Hồng	Ngọc				12	10	1992	xã Quỳnh Hậu, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An	Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp	Kế toán		NAN01649		97.50	61.25	87.50		NAN00245
415	Lê Thị	Ngọc				27	5	1988	Khối 10, phường Bến Thủy, Tp Vinh, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế phát triển		NAN01653		60.00	41.25	60.00		NAN00387
416	Lê Thị Yến	Ngọc				27	5	1992	Văn sơn, Đô Lương, Nghệ An	Học viện tài chính	Thuế		NAN01656		65.00	65.00	72.50		NAN00556
417	Lê Xuân	Ngọc	2	10	1991				xã Nghĩa Khánh, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	luật		NAN01659		50.00	26.25	35.00		NAN00414
418	Nguyễn Thị	Ngọc				12	8	1993	thông 9, xã Tào Sơn, Anh Sơn, Nghệ An	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		NAN01667		62.50	42.50	72.50		NAN00302
419	Nguyễn Thị	Ngọc				20	2	1986	xóm Kim Nghĩa, xã Nghi Ân, Tp Vinh, tỉnh Nghệ An	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Quản trị kinh doanh		NAN01665		70.00	27.50	60.00		NAN00455
420	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc				25	4	1994	Xã Thanh Hưng, huyện Thanh Chương, Nghệ An	Học viện chính sách và phát triển	Quản trị doanh nghiệp		NAN01668		90.00	50.00	80.00		NAN00126
421	Nguyễn Thị Bích	Ngọc				2	9	1993	Xã Hưng Phúc, huyện Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		NAN01672		67.50	47.50	72.50		NAN00384
422	Phạm Thị Bích	Ngọc				31	1	1993	Thanh Mai, Thanh Chương, Nghệ An	Học Viện Tài Chính	Ngân hàng		NAN01677		90.00	76.25	80.00		NAN00343
423	Phan Thị Như	Ngọc				23	6	1992	Đức Phong, huyện Đức Thọ, Hà Tĩnh	Đại học Vinh	Kế toán		NAN01680		VT	VT	VT		NAN00396
424	Trần Thị	Ngọc				8	7	1988	Xã Hưng Lợi, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học quốc gia Hà Nội	Luật hình sự		NAN01684		VT	VT	VT		NAN00574
425	Trần Thị Hương	Ngọc				2	9	1994	Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân	kinh tế quốc tế		NAN01687		77.50	72.50	65.00		NAN00412
426	Vương Thị	Ngọc				27	8	1992	Xã Kim Liên, Huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Học Viện Tài Chính	Kiểm toán		NAN01692		VT	VT	VT		NAN00348
427	Phan Bình	Nguyên				20	2	1989	Hưng Đạo, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN01709		VT	VT	VT		NAN00339
428	Bùi Thị Ánh	Nguyệt				8	11	1987	xã Đức Thuận, huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Luật Hà Nội	Luật kinh tế		NAN01717		77.50	32.50	62.50		NAN00630
429	Lê Thị	Nguyệt				24	4	1986	Hậu Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh	Đại học Ngoại thương	Kinh tế đối ngoại	Con TB	NAN01719	20	57.50	48.75	45.00		NAN00760
430	Mai Thị	Nguyệt				28	12	1987	xã Phong Thịnh, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Học viện Ngân hàng	Kế toán		NAN01721		57.50	51.25	50.00		NAN00631
431	Nguyễn Thị	Nguyệt				2	3	1990	Thạch trị, Thạch Hà, Hà Tĩnh	Đại học nông nghiệp Hà Nội	Kinh tế		NAN01722		35.00	36.25	50.00		NAN00512
432	Nguyễn Thị	Nhâm				9	9	1993	xóm 3, Thanh Hương, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Vinh	Tài chính ngân hàng		NAN01730		65.00	45.00	67.50		NAN00255
433	Nguyễn Thị Thanh	Nhân				26	4	1990	xã Nam Thanh, Nam Đàn, Nghệ An	Học viện tài chính	Ngân hàng		NAN01737		VT	VT	VT		NAN00304
434	Phan Thị	Nhân				15	2	1983	Hưng Thắng, hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc Dân	Kế toán tổng hợp		NAN01740		67.50	37.50	72.50		NAN00213
435	Trần Thị Thanh	Nhân				12	3	1983	Diễn Châu, Nghệ An	Đại học Nông nghiệp 1	Kế toán doanh nghiệp		NAN01754		VT	VT	VT		NAN00466
436	Nguyễn Thị	Nhật				2	3	1986	Xã Võ Liệt, Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An	Đại học Nha Trang	Kế toán		NAN01761		37.50	20.00	32.50		NAN00468
437	Lâm Thị	Nho				24	4	1993	Thôn 7, Thanh Thịnh, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN01796		VT	VT	VT		NAN00274
438	Bùi Thị Hằng	Nhung				23	2	1993	xóm 4, Hưng Tân, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN01807		90.00	50.00	70.00		NAN00176

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
439	Hồ Thị Hồng	Nhung				16	1	1994	xã Quỳnh Bảng, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Đại học Vinh	tài chính ngân hàng		NAN01813		VT	VT	VT		NAN00315
440	Lê Thị	Nhung				28	8	1993	xóm Xuân Sơn, xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN01816		VT	VT	VT		NAN00033
441	Lê Thị Hồng	Nhung				23	9	1993	xóm 8, xã Nam Thái, Nam Đàn, Nghệ An	Đại học Vinh	Tài chính ngân hàng		NAN01820		VT	VT	VT		NAN00750
442	Ngô Thị Hồng	Nhung				25	12	1994	Diễn Xuân, Diễn Châu, Nghệ An	Đại Học kinh tế Quốc Dân	Kinh tế đầu tư		NAN01826		97.50	71.25	82.50		NAN00113
443	Ngũ Cẩm	Nhung				28	1	1993	Đồng Văn, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Kế toán doanh nghiệp		NAN01827		VT	VT	VT		NAN00493
444	Nguyễn Cẩm	Nhung				14	4	1993	Nghi Trung, Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		NAN01828		57.50	36.25	70.00		NAN00249
445	Nguyễn Thị	Nhung				28	5	1990	khối 8, phường Hồng Sơn, Tp.Vinh, Nghệ An	ĐẠI HỌC VINH	Kế toán	Con TB	NAN01829	20	65.00	42.50	40.00		NAN00120
446	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung				15	10	1993	Nghi trung, Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học Luật Hà Nội	Luật		NAN01831		VT	VT	VT		NAN00188
447	Nguyễn Thị Hồng	Nhung				2	12	1993	Khối 6, Thị trấn Kim Sơn, Huyện Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kiểm toán	DTTS	NAN01838	20	65.00	57.50	67.50		NAN00045
448	Nguyễn Thị Hồng	Nhung				29	9	1993	Nghi Phương, Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN01839		VT	VT	VT		NAN00006
449	Nguyễn Thị Hồng	Nhung				8	9	1993	Xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài Chính	tài chính doanh nghiệp	Con TB	NAN01837	20	67.50	48.75	60.00		NAN00489
450	Nguyễn Thị Hồng	Nhung				11	8	1992	Hưng Lĩnh, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế và quản lý địa chính		NAN01836		67.50	68.75	67.50		NAN00729
451	Phan Thị	Nhung				11	5	1990	Xã Phúc Thọ, huyện Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học ngoại thương	Tài chính quốc tế	Con TB	NAN01847	20	VT	VT	VT		NAN00551
452	Vũ Thị	Nữ				12	9	1992	Xã Hưng Tân, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN01870		37.50	47.50	70.00		NAN00543
453	Bùi Thị Kiều	Oanh				22	12	1992	Thạch Sơn, Anh Sơn, Nghệ An	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		NAN01875		VT	VT	VT		NAN00266
454	Hồ Ngọc	Oanh				16	6	1994	xã An Hòa, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Học viện ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp		NAN01880		90.00	43.75	67.50		NAN00174
455	Hoàng Thị Kim	Oanh				6	3	1994	Khối Bắc Hải, Phường Nghi Thu, Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	Học viện Tài Chính	Thuế	Con TB	NAN01882	20	87.50	62.50	92.50		NAN00071
456	Nguyễn Hà Kiều	Oanh				1	10	1992	khối 10 thị trấn Dũng, Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		NAN01887		87.50	62.50	75.00		NAN00264
457	Nguyễn Thị	Oanh				15	9	1985	xã Thanh Giang, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Đại học Thương Mai	Kế toán tài chính DNTM		NAN01888		70.00	53.75	65.00		NAN00457
458	Nguyễn Thị Kim	Oanh				31	1	1994	Xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế quốc tế		NAN01895		95.00	76.25	92.50		NAN00131
459	Nguyễn Thị Tú	Oanh				12	9	1992	Phường Hưng Dũng, Tp Vinh, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN01899		45.00	63.75	82.50		NAN00627
460	Phạm Thị	Oanh				4	3	1988	Diễn Vạn, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học Nha Trang	Kế toán		NAN01901		30.00	30.00	77.50		NAN00481
461	Phan Bảo	Oanh				18	11	1994	Nhân Thành, Yên Thành, Nghệ An	Đại học kinh tế - Đại học Huế	Kinh tế tài nguyên và môi trường		NAN01903		40.00	18.75	42.50		NAN00655
462	Trần Thị Tú	Oanh				16	3	1991	Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học Ngoại Thương	Ngân Hàng		NAN01908		VT	VT	VT		NAN00420
463	Vũ Thị	Oanh				1	8	1991	Xóm 8, Xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Đại Học Hà Tĩnh	KẾ Toán		NAN01912		VT	VT	VT		NAN00119
464	Nguyễn Văn	Phát	31	8	1993				Diễn Liên, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học ngoại thương Hà Nội	Kế toán		NAN01915		VT	VT	VT		NAN00793
465	Hồ Xuân	Phú	16	11	1990				An Ninh, Lệ Ninh, Quảng Bình	Đại học thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		NAN01922		52.50	36.25	60.00		NAN00530
466	Nguyễn Minh	Phú	22	10	1991				Diễn Thọ, Thị Trấn Diễn Châu, Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân	Ngân hàng		NAN01925		VT	VT	VT		NAN00057
467	Nguyễn Ngọc	Phú	17	2	1994				xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài chính	Kiểm toán		NAN01926		42.50	27.50	47.50		NAN00810
468	Nguyễn Đình	Phúc	20	1	1992				Xã Hưng Long, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kiểm toán	Con BB	NAN01928	20	VT	VT	VT		NAN00774

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
469	Nguyễn Thị	Phúc				11	10	1991	Hòa Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Học viện tài chính	Quản lý tài chính công		NAN01930		VT	VT	VT		NAN00356
470	Nguyễn Thị Kim	Phụng				22	6	1992	Xã Văn Sơn, huyện Đô Lương, Nghệ An	Học viện Tài chính	Hải quan		NAN01937		77.50	48.75	70.00		NAN00803
471	Đậu Thị	Phượng				24	8	1994	khối 8, phường Mai Hùng, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	Đại Học Vinh	Luật học	Con TB	NAN01950	20	87.50	62.50	87.50		NAN00115
472	Đinh Thị Hà	Phượng				1	12	1993	Phường Đội Cung, Tp.Vinh, tỉnh Nghệ An	Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Luật Kinh doanh		NAN01951		72.50	50.00	47.50		NAN00144
473	Lê Nguyễn Hà	Phượng				10	7	1992	Xã Gio Quang, Gio Linh, Quảng Trị	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN01965		VT	VT	VT		NAN00586
474	Ngô Thị	Phượng				7	10	1993	Xã Diễn Kỳ, Diễn Châu, Nghệ An	Học viện nông Việt Nam	Quản trị kinh doanh		NAN01971		VT	VT	VT		NAN00405
475	Ngô Thị Thanh	Phượng				22	2	1983	xã Xuân Hòa, huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình	Đại học Điện lực	Kế toán	Con TB	NAN01972	20	40.00	28.75	27.50		NAN00625
476	Nguyễn Thị	Phượng				9	9	1994	Xã Diễn Bích, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học quốc gia Hà Nội	Luật học		NAN01983		70.00	37.50	55.00		NAN00589
477	Nguyễn Thị	Phượng				13	7	1992	Hưng Thái, Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài Chính	Ngân hàng		NAN01982		77.50	65.00	80.00		NAN00054
478	Nguyễn Thị	Phượng				5	6	1992	Xóm 3, Thanh Hương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		NAN01981		VT	VT	VT		NAN00212
479	Nguyễn Thị	Phượng				31	12	1988	xã Văn Thành, Yên Thành, Nghệ An	Đại học công nghiệp TP HCM	Tài chính ngân hàng		NAN01979		VT	VT	VT		NAN00521
480	Nguyễn Thị	Phượng				16	2	1985	Hưng Khánh, Hưng Nguyên, Nghệ An	Học viện tài chính	Kế toán Doanh nghiệp		NAN01978		VT	VT	VT		NAN00678
481	Nguyễn thị Hồng	Phượng				28	10	1994	Nghi Lộc, Nghệ An	Học viện Ngân Hàng	ngân hàng thương mại		NAN01987		75.00	62.50	57.50		NAN00095
482	Nguyễn Thị Lan	Phượng				26	10	1985	Nghi Phú, Tp Vinh, Nghệ An	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		NAN01988		VT	VT	VT		NAN00718
483	Nguyễn Thị Mai	Phượng				3	2	1990	Xóm Kim Nghĩa, Xã Nghi Ân, Tp Vinh, Nghệ An	Học viện ngân hàng	Ngân hàng thương mại	Con TB	NAN01990	20	VT	VT	VT		NAN00280
484	Nguyễn Thị Minh	Phượng				26	4	1991	xã Sơn Long, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN01991		77.50	57.50	85.00		NAN00159
485	Phạm Thị	Phượng				24	1	1992	Diễn Hoa, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN02004		65.00	32.50	62.50		NAN00561
486	Phạm Thị	Phượng				19	8	1991	Hưng Nhân, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học Thương Mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		NAN02003		97.50	62.50	87.50		NAN00262
487	Phan Thị Thanh	Phượng				6	8	1990	Xã Đức Bình - Đức Thọ - Hà Tĩnh	Đại Học Vinh	Kế Toán		NAN02010		72.50	MT	70.00		NAN00142
488	Tô Thị Lan	Phượng				18	6	1986	xã Minh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán	Con TB	NAN02013	20	70.00	26.25	35.00		NAN00650
489	Trần Thị Hà	Phượng				12	9	1994	thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông, Nghệ An	Đại học Vinh	Luật		NAN02015		VT	VT	VT		NAN00692
490	Trần Thị Ngọc	Phượng				24	11	1994	Khối Vinh Xuân, khối 12, phường Đông Vinh, TP Vinh, Nghệ An	Đại học Vinh	Tài chính ngân hàng		NAN02017		45.00	36.25	47.50		NAN00573
491	Võ Thị	Phượng				6	1	1994	Xã Minh Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Đại học ngoại thương Hà Nội	Kinh tế đối ngoại		NAN02021		VT	VT	VT		NAN00587
492	Võ Thị Bích	Phượng				2	5	1989	Hưng Xá, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế phát triển	Con TB	NAN02022	20	VT	VT	VT		NAN00777
493	Hàn Thị	Phượng				6	8	1994	Thiệu Quang, Thiệu Hóa, Thanh Hóa	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		NAN02029		90.00	56.25	90.00		NAN00279
494	Lương Thị	Phượng				9	7	1993	Bản Tờ, Yên Khê, Con Cuông, Nghệ An	Đại học Vinh	Luật	DTTS	NAN02032	20	VT	VT	VT		NAN00606
495	Bach Hưng	Quân	6	9	1991				xã Hưng Phú, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Đại học Công nghệ Vạn Xuân	Tài chính ngân hàng		NAN02044		VT	VT	VT		NAN00711
496	Dương Minh	Quân	2	9	1989				xã Đồng Văn, huyện Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Vinh	Tài chính Ngân hàng		NAN02045		70.00	71.25	62.50		NAN00185
497	Lê Hoàng	Quân	27	8	1992				Xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Đại học kinh tế Quốc Dân	Quản trị doanh nghiệp	Con TB	NAN02046	20	VT	VT	VT		NAN00482
498	Nguyễn Minh	Quân	31	5	1992				Nghi Phú, TP Vinh, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN02047		VT	VT	VT		NAN00446

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
499	Nguyễn Ngọc	Quân	25	4	1993				Xóm Xuân Hùng, xã Hưng Lộc, Tp.Vinh, Nghệ An	Đại học Ngoại thương	Kinh tế đối ngoại		NAN02048		75.00	67.50	87.50		NAN00209
500	Nguyễn Trọng	Quân	22	1	1988				Thọ Minh, Minh Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Đại Học Vinh	tài chính Ngân hàng		NAN02049		57.50	30.00	45.00		NAN00087
501	Trần Anh	Quang	29	11	1993				Thanh Nho, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân	Ngân hàng		NAN02057		VT	VT	VT		NAN00562
502	Đặng Thị	Quy				9	9	1994	thôn 5, xã Diễn kỹ, Diễn Châu, Nghệ An	Học viện Tài Chính	tài chính doanh nghiệp		NAN02060		VT	VT	VT		NAN00288
503	Nguyễn Thị	Quý				19	1	1994	Hưng Yên, Hưng Nguyên, Nghệ An	Học viện tài chính	tài chính doanh nghiệp		NAN02062		82.50	43.75	77.50		NAN00450
504	Hồ Thanh	Quyên				18	6	1991	xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Học viện Ngân Hàng	ngân hàng thương mại	Con TB	NAN02070	20	80.00	53.75	75.00		NAN00111
505	Nguyễn Thị	Quyên				29	4	1991	Nam Xuân, Nam Đàn, Nghệ An	Đại học Vinh	Luật Kinh tế		NAN02077		VT	VT	VT		NAN00334
506	Nguyễn Thị Hà	Quyên				24	8	1994	Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc Dân	luật kinh doanh		NAN02079		82.50	55.00	52.50		NAN00286
507	Nguyễn Thị Thúy	Quyên				5	1	1984	Khối Xuân Bắc, phường Hưng Dũng, TP Vinh, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kiểm toán		NAN02083		87.50	MT	85.00		NAN00550
508	Võ Thị Lệ	Quyên				19	3	1994	xã Ngọc Sơn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Học viện nông nghiệp Việt Nam	Kế toán kiểm toán		NAN02086		VT	VT	VT		NAN00037
509	Nguyễn Thị	Quyết				8	8	1994	xã Văn Diễn, Nam Đàn, Nghệ An	Đại học Vinh	Tài chính Ngân hàng		NAN02091		VT	VT	VT		NAN00181
510	Chu Thị	Quỳnh				24	3	1994	Xã Hoa Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài chính	Thuế		NAN02095		90.00	72.50	90.00		NAN00464
511	Ngô Thị Anh	Quỳnh				20	2	1987	Diễn Nguyên, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Quản lý kinh tế		NAN02105		VT	VT	VT		NAN00526
512	Nguyễn Như	Quỳnh				14	5	1990	Xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Kế toán		NAN02106		60.00	51.25	70.00		NAN00346
513	Nguyễn Thị	Quỳnh				2	9	1994	Xóm 4, Nam Trung, Nam Đàn, Nghệ An	Đại học Công đoàn	Kế toán		NAN02111		VT	VT	VT		NAN00759
514	Nguyễn Thị	Quỳnh				21	1	1994	Thôn 11, xã Quảng Lưu, Huyện Quảng Xương, Tỉnh Thanh Hóa	Học Viện Ngân Hàng	Ngân hàng thương mại		NAN02110		VT	VT	VT		NAN00333
515	Nguyễn Thị Như	Quỳnh				5	8	1992	Phường Bến Thủy, TP Vinh, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN02115		90.00	45.00	77.50		NAN00310
516	Nguyễn Thị Như	Quỳnh				19	5	1987	Sen 2, Kim Liên, huyện Nam Đàn, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp	Con NHCS như TB	NAN02113	20	82.50	22.50	65.00		NAN00554
517	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh				8	7	1992	xã Hồng Long, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Đại học bách khoa Hà Nội	Tài chính ngân hàng		NAN02119		VT	VT	VT		NAN00251
518	Phạm Như	Quỳnh				15	10	1991	Hưng Khánh, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế quốc tế		NAN02120		VT	VT	VT		NAN00635
519	Hoàng Thị	Sâm				12	4	1992	Xóm 4, Nghi Mỹ, Nghi Lộc, Nghệ An	Học viện tài Chính	kế toán		NAN02135		85.00	41.25	85.00		NAN00417
520	Đậu Thị Đức	Sáu				4	6	1991	xóm 3, xã Quỳnh Văn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Luật kinh doanh quốc tế		NAN02141		57.50	58.75	57.50		NAN00364
521	Phan Thị	Sen				2	2	1989	Kim Sơn, Võ Liệt, Thanh Chương, Nghệ An	Học viện tài chính	Kế toán		NAN02145		VT	VT	VT		NAN00426
522	Nguyễn Hồng	Sơn	7	9	1991				Thị trấn Xuân An, Nghi Xuân, Hà Tĩnh	Học viện tài chính	Tài chính - Ngân hàng		NAN02154		85.00	70.00	87.50		NAN00388
523	Nguyễn Hồng	Sơn	9	11	1977				xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, TP Vinh, tỉnh Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán		NAN02153		40.00	30.00	22.50		NAN00365
524	Trịnh Văn	Sơn	10	2	1993				Thanh Ngọc, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Tài chính quốc tế		NAN02159		VT	VT	VT		NAN00690
525	Nguyễn Thị	Sương				13	9	1989	Trung Thành, Yên Thành, Nghệ An	Học viện tài chính	Tài chính- Ngân hàng		NAN02164		90.00	60.00	75.00		NAN00277
526	Nguyễn Thị Mai	Sương				22	10	1994	Xã Hưng Tiến, huyện Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học ngoại thương	Tài chính quốc tế	Con TB	NAN02166	20	VT	VT	VT		NAN00397

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
527	Phan Văn	Sỹ	8	8	1988				xã Thanh Long, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Đại học Đà lạt	Quản trị kinh doanh		NAN02170		75.00	37.50	47.50		NAN00638
528	Lê Đức	Tài	26	12	1994				Xóm 1, xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Học viện Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp		NAN02172		70.00	40.00	65.00		NAN00003
529	Nguyễn Trọng	Tài	15	5	1993				xã Thanh Phong, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Đại Học kinh tế Quốc Dân	tài chính doanh nghiệp		NAN02175		85.00	30.00	75.00		NAN00103
530	Đậu Thị	Tâm				3	3	1991	phường Quỳnh Thiện, TX Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		NAN02179		VT	VT	VT		NAN00657
531	Hồ Thị Thanh	Tâm				8	9	1993	Khối 7, Phường Quỳnh Thiện, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	Học viện Tài Chính	Thuế		NAN02183		95.00	47.50	87.50		NAN00059
532	Lê Thành	Tâm				15	10	1992	xã Thanh Lương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài chính	Thuế		NAN02185		82.50	52.50	92.50		NAN00804
533	Nguyễn Thị Thanh	Tâm				7	4	1991	Xóm Sen 3, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Học viện tài Chính	tài chính quốc tế		NAN02200		75.00	67.50	72.50		NAN00102
534	Phùng Thị	Tâm				2	3	1993	Xã Nghi Hương, Huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Kế toán		NAN02206		VT	VT	VT		NAN00478
535	Võ Thị Thanh	Tâm				18	3	1994	Nam Hòa, Nam Đàn, Nghệ An	Đại học Vinh	Tài chính ngân hàng		NAN02214		62.50	35.00	57.50		NAN00170
536	Nguyễn Văn	Thái	14	12	1991				Cửa Rào 1, xã Xá Lượng, Huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế Nghệ An	Kế toán		NAN02220		35.00	27.50	35.00		NAN00067
537	Võ Duy Quốc	Thái	6	11	1993				Xã Nghĩa Đồng, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An	Học Viện Tài Chính	Kiểm Toán		NAN02225		72.50	78.75	80.00		NAN00147
538	Nguyễn Thị	Thắm				14	9	1994	Nghi Kim, Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kiểm toán		NAN02233		VT	VT	VT		NAN00467
539	Phạm Thị	Thắm				16	7	1990	xóm 11, xã nghi Ân, TP Vinh, tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN02235		90.00	41.25	75.00		NAN00263
540	Phan Ngọc	Thắng	9	7	1993				Xóm Yên Thế, Yên Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Học viện ngân hàng	Ngân hàng thương mại	Con BB	NAN02242	20	85.00	60.00	92.50		NAN00223
541	Thái Huy	Thắng	20	6	1992				xóm Đồng Văn, xã hùng Tiến, huyện Nam Đàn, Nghệ An	Đại học Kinh tế quốc dân	Luật kinh doanh		NAN02243		82.50	52.50	65.00		NAN00192
542	Trần Ngọc	Thắng	28	7	1992				xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Đại học Tài chính- Ngân hàng Hà Nội	Tài chính ngân hàng	Con TB	NAN02244	20	90.00	78.75	62.50		NAN00696
543	Chế Hồng	Thanh	24	1	1987				Nghi Thu, TX Cửa Lò, Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc Dân	Kế hoạch		NAN02249		VT	VT	VT		NAN00616
544	Nguyễn Thị Hoài	Thanh				19	7	1991	Đức Quang, Đức Thọ, Hà Tĩnh	Đại học giao thông vận tải	Kế toán tổng hợp	Con TB	NAN02268	20	VT	VT	VT		NAN00527
545	Nguyễn Thị Hoài	Thanh				2	11	1989	xóm 6, Quỳnh Hồng, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		NAN02266		85.00	40.00	67.50		NAN00363
546	Phan Thị	Thanh				29	7	1990	Nam Giang, Nam Đàn, Nghệ An	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		NAN02271		VT	VT	VT		NAN00079
547	Trần Thị Phương	Thanh				30	8	1988	Thuận Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Đại học Nha Trang	Kế toán		NAN02276		75.00	63.75	75.00		NAN00064
548	Vi Thị Phương	Thanh				15	8	1989	Thị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài chính	Kế toán	DTTS	NAN02278	20	VT	VT	VT		NAN00778
549	Vũ Thị	Thanh				15	10	1991	Xã Nghĩa Đồng, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		NAN02280		VT	VT	VT		NAN00236
550	Biện Minh	Thành	6	1	1992				xã Cẩm Mỹ, huyện Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	Đại học Luật Hà Nội	Luật		NAN02281		82.50	60.00	70.00		NAN00318
551	Đậu Công	Thành	7	3	1992				Diễn Thành, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư		NAN02284		VT	VT	VT		NAN00773
552	Hà Văn	Thành	4	8	1995				Xã Xuân Tiên, Huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Western Sydney	Tài chính ứng dụng		NAN02287		95.00	MT	85.00		NAN00440
553	Trần Danh	Thành	26	3	1991				Xã Bắc Thành, huyện Yên Thành, Nghệ An	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp	Con TB	NAN02296	20	45.00	37.50	50.00		NAN00137
554	Dương Thị	Thào				22	12	1991	xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, Nghệ An	Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính công		NAN02310		97.50	67.50	90.00		NAN00282
555	Dương Thu	Thào				5	3	1993	Hưng Thịnh, Hưng Nguyên, Nghệ An	Học Viện chính sách và phát triển	Kinh tế đối ngoại		NAN02312		VT	VT	VT		NAN00706
556	Hồ Thị Phương	Thào				7	10	1994	Xã Quỳnh Ván, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Đại học Điện Lực	Kế toán doanh nghiệp		NAN02315		55.00	48.75	52.50		NAN00214

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
557	Lê Phương	Thảo				14	12	1992	khối 1, thị trấn Yên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN02326		97.50	51.25	80.00		NAN00207
558	Lê Thị	Thảo				15	2	1993	Phường Quỳnh Phương, TX Hoàng Mai, Nghệ An	Học viện tài chính	thuế		NAN02329		87.50	55.00	90.00		NAN00305
559	Lê Thị	Thảo				19	5	1987	Xã Thanh Phong, Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán		NAN02327		77.50	32.50	57.50		NAN00278
560	Lê Thị Thanh	Thảo				20	11	1994	Cát Văn, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học tài chính-Kế toán	ngân hàng		NAN02335		75.00	50.00	62.50		NAN00492
561	Lương Thị Phương	Thảo				28	12	1994	Xã Sơn Phổ, huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		NAN02340		62.50	65.00	67.50		NAN00068
562	Mai Thị	Thảo				1	9	1991	xã Nghi phong, nghi lộc, nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN02342		62.50	35.00	57.50		NAN00642
563	Nguyễn Phương	Thảo				15	4	1993	Xã Xuân Hòa, huyện Nam Đàn, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế phát triển	Con TB	NAN02348	20	100.00	63.75	82.50		NAN00391
564	Nguyễn Thị	Thảo				23	1	1994	Thôn 9, Thanh Thịnh, Thanh Chương, Nghệ An	Học viện Tài Chính	quản lý tài chính công		NAN02354		VT	VT	VT		NAN00220
565	Nguyễn Thị	Thảo				2	8	1993	Ngọc Sơn, thanh Chương, Nghệ An	Đại học Vinh	Quản trị kinh doanh	Con BB	NAN02352	20	47.50	20.00	47.50		NAN00784
566	Nguyễn Thị	Thảo				26	4	1993	Nam Thanh, Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN02351		80.00	45.00	80.00		NAN00373
567	Nguyễn Thị	Thảo				30	3	1993	xã Tam Sơn, Anh Sơn, Nghệ An	Đại học thương mại	tài chính ngân hàng thương mại		NAN02353		62.50	52.50	65.00		NAN00303
568	Nguyễn Thị	Thảo				19	8	1988	xã Xuân Lâm, Nam Đàn, Nghệ An	Đại học Luật Hà Nội	Luật kinh tế		NAN02350		VT	VT	VT		NAN00320
569	Nguyễn Thị Phương	Thảo				1	6	1994	Xóm 8, Văn Thành, yên Thành, Nghệ An	Đại học Vinh	Tài chính - Ngân hàng	Con TB	NAN02362	20	VT	VT	VT		NAN00427
570	Nguyễn Thị Phương	Thảo				8	9	1989	Nghi Phú, Vinh, Nghệ An	Học viện Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	Con TB	NAN02359	20	VT	VT	VT		NAN00477
571	Nguyễn Thị Phương	Thảo				1	7	1986	Khối 12, phường Bến Thủy, TP Vinh, Nghệ An	Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		NAN02358		72.50	MT	60.00		NAN00133
572	Nguyễn Văn	Thảo	20	9	1990				xóm 7, xã Thượng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Học viện Ngân hàng	Quản trị doanh nghiệp		NAN02376		VT	VT	VT		NAN00458
573	Thái Thị	Thảo				2	4	1992	Xã Hòa Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN02383		52.50	40.00	55.00		NAN00688
574	Trần Thị Thu	Thảo				28	11	1990	Nghi Trường, Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học Vinh	Tài chính ngân hàng		NAN02394		70.00	36.25	42.50		NAN00017
575	Trịnh Thị Thu	Thảo				24	3	1992	kỳ Hương, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Đại học Công Đoàn	Kế toán		NAN02398		VT	VT	VT		NAN00498
576	Võ Thị Phương	Thảo				20	8	1994	xã Nam Cường, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Học viện tài chính	Quản lý tài chính công		NAN02401		95.00	67.50	77.50		NAN00519
577	Vũ Thị Phương	Thảo				22	9	1994	Xóm 14, Diễn Hoàng, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học kinh tế - Đại học quốc gia Hà Nội	Tài chính		NAN02404		52.50	26.25	37.50		NAN00381
578	Lê Văn	Thế	5	10	1975				Xã Quang Sơn, huyện Đô Lương, Nghệ An	Đại học thương mại	Kế toán tài chính DNTM		NAN02407		VT	VT	VT		NAN00390
579	Nguyễn Thanh	Thế	9	6	1991				xã Hưng Xá, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kế hoạch		NAN02408		67.50	41.25	75.00		NAN00009
580	Nguyễn Công	Thiện	6	10	1993				Phúc Sơn, Anh Sơn, Nghệ An	Học viện CN Bưu chính Viễn Thông	Kế toán		NAN02420		47.50	21.25	27.50		NAN00206
581	Nguyễn Trọng	Thiện	3	3	1991				Xã Thái Yên, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán tổng hợp		NAN02421		77.50	51.25	82.50		NAN00434
582	Nguyễn Văn	Thịnh	8	2	1992				Hưng Nhân, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học FPT	Tài chính doanh nghiệp		NAN02431		VT	MT	VT		NAN00795
583	Trần Thanh	Thịnh	28	11	1993				xã Tĩnh Hải, huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa	Đại học Kinh tế Quốc Dân	Kế hoạch		NAN02433		VT	VT	VT		NAN00607
584	Dương Thị Hoài	Thơ				13	2	1993	xã Thịnh Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế quốc dân	Ngân hàng		NAN02434		85.00	51.25	67.50		NAN00195
585	Giản Thị Thi	Thơ				10	3	1993	Xã Cát Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Đại học kinh tế Quốc Dân	tài chính doanh nghiệp		NAN02435		VT	VT	VT		NAN00538

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
586	Hoàng Thị Quỳnh	Thơ				23	4	1992	Khối 5, Phường Nghi hương, thị xã Cửa Lò, Nghệ An	Học viện Tài chính	Thuế		NAN02437		VT	VT	VT		NAN00812
587	Lê Hoàng	Thơ				29	12	1992	Xã Triệu Phước, TRIệu Phong, Quảng Trị	Đại học lao động xã hội	Kế toán		NAN02438		VT	VT	VT		NAN00542
588	Lê Thị	Thơ				26	1	1988	xã Đồng Văn, huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An	Học viện Ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		NAN02439		VT	VT	VT		NAN00624
589	Nguyễn Đức	Thọ	6	8	1986				Minh Nghĩa, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa	Đại học kinh tế TP HCM	Ngân hàng	Con BB	NAN02446	20	VT	VT	VT		NAN00307
590	Nguyễn Minh	Thọ	7	3	1983				Khối Trung Hòa, phường Lê Mao, Tp Vinh, Nghệ An	Đại học Vinh	Quản trị kinh doanh	HTNVQS	NAN02447	10	VT	VT	VT		NAN00479
591	Bùi Thị Kim	Thoa				27	9	1990	xóm Nam Sơn, Văn Diên, Nam Đàn, Nghệ An	Học viện Tài chính	Thuế		NAN02448		VT	VT	VT		NAN00771
592	Hà Thị	Thoa				15	8	1992	xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Luật		NAN02449		VT	VT	VT		NAN00768
593	Lê Thị Kim	Thoa				29	11	1991	Xã Hưng Xá, huyện Hưng Nguyên , tỉnh Nghệ An	Học viện Tài Chính	Kiểm toán		NAN02451		90.00	75.00	85.00		NAN00046
594	Trần Kim	Thoa				3	7	1982	xã Hưng Thông, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán, kiểm toán và phân tích		NAN02453		82.50	57.50	57.50		NAN00314
595	Nguyễn Thị	Thỏa				3	10	1993	xóm 3, Nghi Đức. Tp Vinh, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán	Con BB	NAN02454	20	VT	VT	VT		NAN00579
596	Nguyễn Thị	Thơm				9	4	1987	xã Hưng Xá, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Đại học đại Nam	Kế toán		NAN02458		VT	VT	VT		NAN00703
597	Phan Văn	Thông	19	12	1993				xã Hợp Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế quốc dân	Kiểm toán		NAN02462		100.00	82.50	77.50		NAN00194
598	Nguyễn Trung	Thống	4	1	1990				Hưng Dũng, TP Vinh, Nghệ An	Đại học Ngoại thương	Tài chính ngân hàng thương mại	Con TB	NAN02464	20	VT	VT	VT		NAN00014
599	Bùi Thị	Thu				14	9	1993	Xóm 7A, xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	Đại học Luật - Đại học Huế	Luật hợp đồng		NAN02466		VT	VT	VT		NAN00619
600	Bùi Thị Hà	Thu				3	8	1988	xã Thanh Yên, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài chính	Quản trị doanh nghiệp		NAN02467		VT	VT	VT		NAN00267
601	Đặng Thị	Thu				22	8	1991	Quang Thành, yên Thành, Nghệ An	Đại Học Thương Mại	Kế toán tài chính DN thương mại		NAN02468		VT	VT	VT		NAN00109
602	Hồ Thị	Thu				21	2	1994	Xuân Phú, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Đại học Luật - Đại học Huế	Luật hình sự		NAN02470		77.50	32.50	47.50		NAN00321
603	Hoàng Thị	Thu				12	1	1993	Quỳnh Phương, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		NAN02471		72.50	47.50	72.50		NAN00528
604	Nguyễn Thị Hoài	Thu				1	11	1991	Xóm Xuân Nam, Phường Hưng Dũng, Tp Vinh, Nghệ An	Đại học Lao động - Xã hội	Kế toán		NAN02481		VT	VT	VT		NAN00230
605	Thái Thị	Thu				14	2	1991	Thịnh Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư		NAN02487		VT	VT	VT		NAN00742
606	Nguyễn Thị Diệu	Thuần				24	8	1992	xã Sơn Trà, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh	Đại Học kinh tế Quốc Dân	Kinh tế học		NAN02514		75.00	61.25	80.00		NAN00083
607	Đỗ Thị	Thuận				15	9	1985	xã Đồng Văn, huyện Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Kinh tế Huế	Kinh tế nông nghiệp		NAN02516		65.00	27.50	62.50		NAN00265
608	Đinh Thị Thương	Thương				12	3	1994	Xã Táo Sơn, huyện Anh Sơn, Nghệ An	Học viện tài chính	Thuế		NAN02526		95.00	50.00	82.50		NAN00402
609	Hoàng Thị Hoài	Thương				4	6	1994	Hưng Khánh, Hưng Nguyên, Nghệ An	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN02534		82.50	36.25	60.00		NAN00506
610	Nguyễn Thị	Thương				16	4	1993	Xã Thái Yên, huyện Đức Thọ , Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		NAN02547		77.50	48.75	65.00		NAN00130
611	Nguyễn Thị	Thương				13	4	1993	Xóm 2, Lạc Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Học viện tài chính	Ngân hàng		NAN02549		92.50	50.00	85.00		NAN00226
612	Nguyễn Thị	Thương				2	4	1988	xã Nam Lĩnh, Nam Đàn, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh thương mại		NAN02543		47.50	36.25	42.50		NAN00454
613	Nguyễn Thị Mai	Thương				3	7	1992	Xã Thanh Long, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN02551		77.50	40.00	77.50		NAN00569

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
614	Trần Thị	Thương				26	1	1994	Mỹ Thành, Yên Thành, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN02552		70.00	48.75	72.50		NAN00025
615	Trần Thị Hoài	Thương				23	11	1987	Nam Lâm, Nam Đàn, Nghệ An	Đại học kinh tế Quốc Dân	Kế toán		NAN02553		VT	MT	VT		NAN00488
616	Dương Đình	Thường	6	7	1992				xóm Phương Đình, xã Đông Văn, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN02559		VT	VT	VT		NAN00173
617	Lương Mạnh	Thường	6	7	1994				bản Hòa Sơn, xã Tà Cạ, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế quốc dân	Toán tài chính	DTTS	NAN02560	20	52.50	65.00	25.00		NAN00260
618	Bùi Thị	Thúy				18	3	1988	Nam Cường, Nam Đàn, Nghệ An	Đại học Kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh tổng hợp		NAN02564		VT	VT	VT		NAN00160
619	Đinh Thị Thanh	Thúy				5	12	1991	Hưng Hòa, Tp Vinh, Nghệ An	Đại học Ngoại thương	Kinh tế quốc tế		NAN02568		VT	VT	VT		NAN00792
620	Hoàng Thị	Thúy				21	2	1992	xóm 3, xã Lăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Học viện tài chính	tài chính doanh nghiệp		NAN02572		VT	VT	VT		NAN00355
621	Lê Minh	Thúy				3	10	1989	Xã Xuân Sơn, huyện Đô Lương, Nghệ An	Đại học Vinh	Tài chính - Ngân hàng		NAN02573		85.00	61.25	80.00		NAN00667
622	Lê Thị	Thúy				30	10	1990	xã Đông Văn, huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An	Đại học Nha Trang	Kế toán		NAN02574		VT	VT	VT		NAN00629
623	Nguyễn Thị	Thúy				10	11	1993	xã Cát Văn, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Vinh	Quản trị kinh doanh		NAN02585		VT	VT	VT		NAN00298
624	Nguyễn Thị Diệu	Thúy				15	10	1990	Hưng Lam, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại Học kinh tế Quốc Dân	Kế toán		NAN02586		85.00	60.00	72.50		NAN00097
625	Trương Thị	Thúy				8	10	1992	xã Quỳnh Hậu, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	Học viện tài chính	Tài chính quốc tế		NAN02598		97.50	51.25	80.00		NAN00246
626	Đặng Thị Diệu	Thùỵ				11	11	1993	xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài chính	Thuế	Con TB	NAN02605	20	87.50	41.25	87.50		NAN00023
627	Hồ Thị Hải	Thùỵ				5	4	1989	Hưng Thông, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh quốc tế		NAN02607		VT	VT	VT		NAN00741
628	Phạm Thị An	Thùỵ				24	4	1989	Nam Kim, Nam Đàn, Nghệ An	Đại học Hà Tĩnh	Kế toán	Con TB	NAN02614	20	35.00	28.75	50.00		NAN00639
629	Trần Thị	Thùỵ				10	7	1991	xóm 3, xã Hưng Tiến, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế quốc tế		NAN02615		77.50	58.75	55.00		NAN00162
630	Lê Thị	Thúy				30	12	1993	Xã Hưng Lộc, Tp Vinh, Tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế Nghệ An	Kinh tế		NAN02629		VT	VT	VT		NAN00337
631	Lưu Thị	Thúy				6	4	1992	Xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Học Viện Tài Chính	Kiểm toán		NAN02634		VT	VT	VT		NAN00322
632	Nguyễn Thị	Thúy				28	10	1992	Xã Nam Hưng, Huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Kế toán		NAN02642		VT	VT	VT		NAN00463
633	Nguyễn Thị	Thúy				15	8	1991	Nghi Lộc, Nghệ An	Đại Học Ngoại Thương	tài chính quốc tế		NAN02584		100.00	80.00	82.50		NAN00107
634	Nguyễn Thị Thu	Thùỵ				19	8	1980	xóm 9 (ga), Quỳnh Châu, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Đại học điện lực	Kế toán	Con TB	NAN02652	20	42.50	33.75	30.00		NAN00702
635	Trần Thị Thanh	Thùỵ				9	5	1986	Thanh Phong, Thanh Chương, Nghệ An	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp	Con TB	NAN02664	20	VT	VT	VT		NAN00225
636	Nguyễn Hồng	Tiến	15	12	1991				xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư		NAN02687		67.50	38.75	57.50		NAN00351
637	Vũ Mạnh	Tiến	10	4	1990				Quỳnh Hồng, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Học viện tài Chính	thuế		NAN02689		77.50	42.50	67.50		NAN00100
638	Cung Anh	Tinh	16	4	1986				Lăng Thành, Yên Thành, Nghệ An	Học viện Tài chính	Tài chính ngân hàng		NAN02698		92.50	43.75	80.00		NAN00180
639	Trần Thị	Tinh				22	6	1993	Hưng Tiến, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN02702		VT	VT	VT		NAN00534
640	Lưu Văn	Tĩnh	7	7	1984				Xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, Nghệ An	Đại học điện lực	Kế toán		NAN02704		VT	VT	VT		NAN00595
641	Nguyễn Đức	Toản	1	11	1988				xã Hưng Châu, Hưng Nguyên, Nghệ An	Học viện Tài chính	Kinh tế - Tài chính ngân hàng		NAN02717		80.00	62.50	82.50		NAN00178
642	Nguyễn Thị	Toản				2	8	1993	Xã Nam Lĩnh, Nam Đàn, Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế và quản lý đô thị		NAN02718		67.50	46.25	72.50		NAN00341
643	Hồ Thị	Trà				25	7	1991	Xã Nghĩa Đức, Huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài chính	Kiểm toán		NAN02719		VT	VT	VT		NAN00813

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số bảo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NV CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
644	Lê Thị Hương	Trà				21	5	1991	xóm 4, xã Lam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Học viện Ngân Hàng	Ngân hàng thương mại	Con TB	NAN02721	20	75.00	60.00	77.50		NAN00359
645	Nguyễn Thị	Trà				29	7	1994	Xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kiểm toán		NAN02723		VT	VT	VT		NAN00350
646	Nguyễn Thị Hương	Trà				15	10	1992	Cẩm Dương, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế Quốc dân	kế toán tổng hợp	DTTS	NAN02725	20	VT	VT	VT		NAN00423
647	Nguyễn Thị Xuân	Trà				19	2	1980	xã Xuân Hải, Nghi Xuân, Hà Tĩnh	Đại học mở Hà Nội	Kế toán	Con NHDKC bị NCDHH	NAN02728	20	2.50	12.8	25.5	Cảnh cáo; Cảnh	NAN00306
648	Trần Bích	Trà				29	2	1992	Xuân Lâm, Nam Đàn, Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân	Luật Kinh doanh		NAN02730		77.50	56.25	70.00		NAN00042
649	Lê Huyền	Trâm				10	5	1990	Phong Phú, Phong Diễn, Thửa Thiên Huế	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Kế toán		NAN02740		70.00	47.50	55.00		NAN00613
650	Nguyễn Ngọc	Trâm				13	6	1994	Phường Vinh Tân, Tp Vinh, Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc Dân	Tài chính doanh nghiệp		NAN02743		VT	VT	VT		NAN00620
651	Phạm Thị Ngọc	Trâm				18	11	1994	xã Hưng Lợi, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Luật		NAN02751		52.50	48.75	37.50		NAN00691
652	Lê Thị	Trâm				27	4	1987	Đức Sơn, Anh Sơn, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN02758		VT	VT	VT		NAN00471
653	Lê Thị Huyền	Trân				27	4	1993	Quỳnh Hoa, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Đại học Vinh	Quản trị kinh doanh		NAN02759		VT	VT	VT		NAN00743
654	Bùi Thị Huyền	Trang				15	3	1993	Xã Diễn Kỳ, huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	Học viện ngân hàng	Ngân hàng thương mại		NAN02768		80.00	46.25	60.00		NAN00221
655	Đặng Thị Huyền	Trang				8	12	1992	Xã Hưng Hòa, TP Vinh, Nghệ An	Đại học ngoại thương	Tài chính quốc tế		NAN02774		VT	VT	VT		NAN00401
656	Đinh Nữ Hà	Trang				25	2	1994	Phường Lê Mao, TP Vinh, Nghệ An	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN02777		60.00	45.00	77.50		NAN00001
657	Hồ Thị Hoài	Trang				5	7	1991	xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Kế toán		NAN02781		VT	VT	VT		NAN00002
658	Hồ Thị Ngọc	Trang				20	5	1993	Yên Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Đại học Vinh	Luật		NAN02784		85.00	32.50	47.50		NAN00237
659	Hồ Thị Quỳnh	Trang				4	1	1995	Hưng Thái, Hưng Nguyên, Nghệ an	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		NAN02786		92.50	51.25	80.00		NAN00182
660	Hồ Thị Quỳnh	Trang				26	7	1994	xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN02785		65.00	53.75	67.50		NAN00602
661	Hoàng Thị Vân	Trang				7	5	1993	Quỳnh Hồng, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Học viện Tài chính	Kiểm toán		NAN02790		60.00	67.50	75.00		NAN00805
662	Lê Thị	Trang				23	10	1982	Vân Diên, Nam Đàn, Nghệ An	Đại học nông nghiệp Hà Nội	Kinh tế nông nghiệp	Con TB	NAN02796	20	40.00	42.50	MT		NAN00532
663	Lê Thị Cẩm	Trang				25	12	1990	xã Hồng Long, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Học viện Ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp	Con BB	NAN02799	20	VT	VT	VT		NAN00623
664	Lê Thị Huyền	Trang				14	7	1987	xã Thọ Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Đại Học Vinh	Kế toán		NAN02800		VT	VT	VT		NAN00104
665	Lê Thị Thủy	Trang				30	9	1993	xã Hương Thủy, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Tài chính ngân hàng		NAN02811		65.00	53.75	72.50		NAN00164
666	Lê Thị Thủy	Trang				21	5	1990	xã Đông Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		NAN02809		77.50	57.50	60.00		NAN00504
667	Lưu Thị Hà	Trang				25	10	1992	xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN02814		42.50	23.75	52.50		NAN00640
668	Ngô Thị	Trang				30	12	1994	xã Mai Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN02820		97.50	51.25	80.00		NAN00513
669	Nguyễn Minh	Trang				7	2	1994	Xã Nam Cát, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		NAN02825		85.00	53.75	82.50		NAN00385
670	Nguyễn Quỳnh	Trang				5	11	1993	Hưng lam, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Kiểm toán		NAN02826		52.50	68.75	67.50		NAN00508
671	Nguyễn Quỳnh	Trang				23	5	1988	Diễn Bình, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư		NAN02843		72.50	40.00	75.00		NAN00684
672	Nguyễn Thị Đài	Trang				2	3	1991	xã Nghi Lâm, Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học kinh tế - Đại học Huế	Kế toán kiểm toán		NAN02829		70.00	56.25	67.50		NAN00524

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
673	Nguyễn Thị Huyền	Trang				11	11	1990	Phường Vinh Tân, Tp Vinh, Nghệ An	Học Viện Ngân Hàng	Tài chính doanh nghiệp		NAN02833		VT	VT	VT		NAN00332
674	Nguyễn Thị Huyền	Trang				29	4	1990	Xóm 3, Nghi Thạch, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Đại Học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Kiểm toán		NAN02834		VT	VT	VT		NAN00808
675	Nguyễn Thị Khánh	Trang				6	10	1992	xóm Long Minh, xã Minh Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Học viện Ngoại Giao	kinh tế quốc tế	Con TB	NAN02837	20	77.50	66.25	75.00		NAN00411
676	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang				2	2	1994	Thôn Long, Thanh Lĩnh, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Vinh	Luật		NAN02847		60.00	32.50	55.00		NAN00247
677	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang				28	9	1993	Thạch Hội, Thạch Hà, Hà Tĩnh	Đại học Luật Hà Nội	Luật	Con TB	NAN02846	20	57.50	35.00	45.00		NAN00175
678	Nguyễn Thị Thảo	Trang				16	4	1994	Xóm 1, xã Xuân Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Đại học Luật Hà Nội	Luật		NAN02848		VT	VT	VT		NAN00670
679	Nguyễn Thị Thu	Trang				15	10	1994	xóm Đông Yên, Xã Long Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Đại học Quốc Gia Hà Nội	Luật học		NAN02850		80.00	37.50	55.00		NAN00617
680	Nguyễn Thị Thủy	Trang				7	5	1991	xã Thanh Liêm, Thanh Chương, Nghệ An	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN02855		VT	VT	VT		NAN00443
681	Nguyễn Thu	Trang				5	6	1988	xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Đại học Luật Hà Nội	Luật		NAN02859		VT	VT	VT		NAN00653
682	Phạm Thị Thu	Trang				11	3	1995	Khối 3, thị trấn Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	ĐH Luật Hà Nội	Luật		NAN02869		72.50	37.50	52.50		NAN00816
683	Phạm Thị Thu	Trang				27	7	1988	xã Đức Nhân, Đức Thọ, Hà Tĩnh	Đại học ngoại thương	Kinh tế đối ngoại		NAN02868		VT	VT	VT		NAN00557
684	Phan Thị Thủy	Trang				13	5	1994	Xóm 8, xã Diễn Hạnh, huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		NAN02880		VT	VT	VT		NAN00476
685	Thái Thị Kiều	Trang				14	9	1992	Xóm 5 - xã Hưng Chính - Vinh - NA	Đại Học Kinh Tế - Đại Học Huế	Kế toán kiểm toán		NAN02881		VT	VT	VT		NAN00143
686	Trần Nữ Mai	Trang				2	11	1991	Xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương, Nghệ An	Đại học kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		NAN02886		65.00	72.50	77.50		NAN00687
687	Trần Quỳnh	Trang				20	11	1993	xã Hưng Hòa, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		NAN02888		95.00	56.25	72.50		NAN00520
688	Trần Thị	Trang				26	8	1992	Xã Thanh Tùng, huyện Thanh Chương, Nghệ An	Học viện tài chính	Bảo hiểm		NAN02891		VT	VT	VT		NAN00548
689	Trần Thị	Trang				6	7	1991	Thanh An, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Vinh	Luật học		NAN02889		VT	VT	VT		NAN00163
690	Trần Thị Hà	Trang				27	8	1991	Xã Thanh Nho, huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Tài chính ngân hàng		NAN02893		42.50	50.00	52.50		NAN00248
691	Trần Thị Hoài	Trang				10	10	1993	Thanh Xuân, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học luật TP HCM	Luật		NAN02895		85.00	43.75	62.50		NAN00746
692	Trần Thị Huyền	Trang				3	9	1994	xóm 3, xã Long Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	Học viện Ngân Hàng	Tài chính Ngân hàng		NAN02896		77.50	40.00	62.50		NAN00486
693	Trần Thị Thu	Trang				15	12	1993	Nam Hưng, Ham Đàn, Nghệ An	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế lao động		NAN02905		VT	VT	VT		NAN00171
694	Trần Thị Thu	Trang				12	11	1991	Khối Phan Bội Châu, thị trấn Nam Đàn, Nghệ An	Học viện Ngân hàng	ngân hàng thương mại		NAN02903		VT	VT	VT		NAN00593
695	Trương Thị Huyền	Trang				7	4	1993	xã Hoằng Phú, Hoằng Hóa, Thanh Hóa	Đại học Vinh	Kế toán		NAN02910		VT	VT	VT		NAN00641
696	Từ Thị Kiều	Trang				27	12	1991	Phường Bắc Hà, Tp Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Kế toán		NAN02911		VT	VT	VT		NAN00438
697	Vô Thị Hà	Trang				17	7	1991	xã Xuân Sơn, huyện Đô Lương, Nghệ An	Đại học Kinh tế quốc dân	Ngân hàng		NAN02913		30.00	40.00	57.50		NAN00167
698	Vô Thị Mai	Trang				20	5	1994	Cát Vãn, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN02915		VT	VT	VT		NAN00722
699	Vô Thị Quỳnh	Trang				2	1	1988	Nghi Thịnh, Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học Ngoại thương	Tài chính quốc tế		NAN02917		55.00	32.50	52.50		NAN00679
700	Nguyễn Xuân	Trí	7	12	1991				xã Diễn yên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Đại học Thương Mai	Tài chính - Ngã hàng thương mại		NAN02922		70.00	45.00	77.50		NAN00191
701	Nguyễn Lê	Trình	10	11	1993				Sơn Bằng, Hương Sơn, Hà Tĩnh	Học viện tài chính	Tin học tài chính kế toán		NAN02953		VT	VT	VT		NAN00566

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
702	Lê Quang	Trung	31	7	1991				xã Thanh Giang, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN02961		100.00	85.00	MT		NAN00166
703	Lê Hồng	Trường	15	6	1991				Xã Thọ Thành, huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế Huế	Kinh tế nông nghiệp - Tài chính		NAN02970		VT	MT	VT		NAN00327
704	Nguyễn Văn	Trường	9	3	1984				Xã Diễn Trường, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Đại học Luật Hà Nội	Luật Dân sự	Con TB	NAN02971	20	50.00	30.00	35.00		NAN0004
705	Nguyễn Viết	Trường	20	3	1990				Xã Hâu Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài Chính	Thuế		NAN02972		87.50	51.25	82.50		NAN00048
706	Đặng Thị Cẩm	Tú				16	9	1994	Tiền Điền, Nghi Xuân, Hà Tĩnh	Đại học Luật Hà Nội	Luật kinh tế		NAN02977		57.50	73.75	70.00		NAN00259
707	Hoàng Minh	Tú	11	2	1992				Xã Nghi Hương, Huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kiểm toán		NAN02979		VT	VT	VT		NAN00465
708	Lê Anh	Tú	7	6	1992				Diễn Ngọc, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế quốc tế		NAN02980		72.50	41.25	55.00		NAN00222
709	Lê Thị Cẩm	Tú				2	2	1994	Xã Đức Thành, huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính công		NAN02982		90.00	72.50	80.00		NAN00069
710	Nguyễn Cẩm	Tú				7	12	1994	xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An	Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông	Kế toán		NAN02985		60.00	50.00	52.50		NAN00106
711	Nguyễn Thị Cẩm	Tú				14	7	1989	Xã Xuân Lâm, Nam Đàn, Nghệ An	Đại học Vinh	Tài chính ngân hàng		NAN02987		VT	VT	MT		NAN00235
712	Thái Thị	Tú				21	1	1994	Phường Lê Mao, TP Vinh, Nghệ An	Đại học Vinh	Luật		NAN02990		47.50	27.50	32.50		NAN00022
713	Đặng Đình	Tuấn	8	3	1991				xã Thanh Liên, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư		NAN02996		VT	VT	VT		NAN00707
714	Nguyễn Anh	Tuấn	6	12	1979				Xóm 4, Xã Nghi Vạn, Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán	Con TB	NAN03004	20	VT	VT	VT		NAN00565
715	Nguyễn Hữu	Tuấn	23	2	1986				Hưng Vĩnh, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học Thương Mai	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		NAN03006		VT	VT	VT		NAN00709
716	Nguyễn Mạnh	Tuấn	8	11	1994				Kim Lộc, Huyện Can Lộc, Hà Tĩnh	Đại học Ngoại Thương Hà Nội	Tài chính quốc tế		NAN03007		45.00	55.00	52.50		NAN00058
717	Trần Văn	Tùng	25	1	1990				Xã Thanh Hà, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài Chính	tài chính doanh nghiệp		NAN03019		VT	VT	VT		NAN00494
718	Nguyễn Thị	Tuyết				26	9	1990	Đô Lương, Nghệ An	Đại học Vinh	Kê toán	Con BB	NAN03044	20	VT	VT	VT		NAN00704
719	Nguyễn Thị	Tuyết				18	6	1989	Quỳnh Di, Hoàng Mai, Nghệ An	Đại học Bách Khoa	Quản trị kinh doanh		NAN03043		VT	VT	VT		NAN00800
720	Nguyễn Thị	Uyên				5	6	1993	xã Nam Cát, huyện Nam Đàn, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN03061		45.00	27.50	55.00		NAN00698
721	Vũ Trần Quỳnh	Uyên				30	9	1994	Thị Trấn Mường Xén, Huyện Kỳ Sơn, Tỉnh Nghệ An	Học viện Tài chính	Marketing		NAN03068		65.00	46.25	65.00		NAN00758
722	Đào Thị Cẩm	Vân				7	5	1994	xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Đại học Luật - Đại học Huế	Luật dân sự		NAN03073		82.50	32.50	55.00		NAN00372
723	Hoàng Thị Khánh	Vân				26	3	1985	xã Kỳ Thư, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Vinh	Kế toán doanh nghiệp	Con TB	NAN03079	20	92.50	61.25	70.00		NAN00608
724	Lê Thị	Vân				16	9	1994	khối 14, phường Quỳnh Xuân, TX Hoàng Mai, Nghệ An	Đại học Luật Hà Nội	Luật		NAN03083		VT	VT	VT		NAN00168
725	Nguyễn Thị Cẩm	Vân				2	1	1987	Tràng Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN03096		VT	VT	VT		NAN00522
726	Phạm Thị	Vân				25	9	1992	Xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Đại Học Vinh	Luật		NAN03103		37.50	28.75	52.50		NAN00145
727	Trần Thị	Vân				16	6	1993	Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Vinh	Tài chính ngân hàng		NAN03106		57.50	41.25	55.00		NAN00005
728	Văn Thị Thủy	Vân				24	6	1992	phường Quỳnh Di, TX Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN03111		VT	VT	VT		NAN00781
729	Nguyễn Thị Thanh	Vân				27	3	1993	xã Thanh Khai, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN03112		VT	VT	VT		NAN00362
730	Đặng Quốc	Viên	27	3	1992				Xã Võ Liệt, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN03130		35.00	43.75	60.00		NAN00669
731	Lê Thị Bằng	Việt				14	2	1989	Bắc Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc Dân	Kinh tế bảo hiểm		NAN03138		VT	VT	VT		NAN00615
732	Trương Thị Bích	Việt				23	11	1994	Nghi Thạch, Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học Ngoại thương	Kế toán		NAN03146		72.50	55.00	52.50		NAN00016

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN-TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
733	Nguyễn Quang	Vĩnh	29	8	1975				xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN03159		45.00	56.25	35.00		NAN00649
734	Trần Quang	Vũ	22	9	1993				Xã Hưng Xá, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Đại học kinh tế Quốc Dân	Kinh tế Nông nghiệp và PTNT		NAN03173		VT	VT	VT		NAN00487
735	Nguyễn Hồng	Vương				31	1	1994	xã Long Thành, huyện yên Thành, tỉnh Nghệ An	Đài học Tài chính Ngân hàng Hà Nội	Ngân hàng		NAN03176		70.00	56.25	67.50		NAN00374
736	Lê Đình	Vương	30	10	1993				Xã Mai Phú, Lộc Hà, Hà Tĩnh	Đại học Hàng Hải Việt Nam	Quản trị kinh doanh		NAN03180		VT	VT	VT		NAN00726
737	Vương Thị Hà	Vy				19	11	1992	Vân Diên, Nam Đàn, Nghệ An	Học viện Tài Chính	tài chính doanh nghiệp		NAN03195		67.50	42.50	70.00		NAN00483
738	Trần Thị	Xinh				21	4	1992	Hưng Xá, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		NAN03198		VT	VT	VT		NAN00018
739	Lương Thị	Xuân				26	3	1987	Lĩnh Sơn, Anh Sơn, Nghệ An	Đại học Nha Trang	Kế toán		NAN03205		VT	VT	VT		NAN00472
740	Phan Thị Thanh	Xuân				5	12	1989	Hưng Tân, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN03210		VT	VT	VT		NAN00724
741	Trần Thị Lệ	Xuân				2	10	1990	Quỳnh Thuận, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Đại học Vinh	Tài chính Ngân hàng	Con BB	NAN03212	20	VT	VT	VT		NAN00518
742	Trần Thị Thanh	Xuân				24	9	1990	Xuân Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh Nghiệp		NAN03213		42.50	41.25	72.50		NAN00153
743	Trương Như	Ý	12	5	1987				Xã Hưng Lĩnh, Huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài Chính	Thuế	Con TB	NAN03221	20	87.50	52.50	82.50		NAN00053
744	Dương Văn	Yên	4	3	1994				Khối 6, phường Nghi Thủy, TX Cửa Lò, Nghệ An	Học viện ngân hàng	Ngân hàng thương mại		NAN03223		VT	VT	VT		NAN00728
745	Võ Thị	Yên				19	5	1983	xóm Khánh Thịnh, xã Nghi Khánh, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Đại học Nha Trang	Kế toán		NAN03226		57.50	42.50	12.50		NAN00129
746	Bùi Thị Hoàng	Yến				19	5	1988	Xuân Trường, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học công nghiệp Hà Nội	Kế toán	Con TB	NAN03228	20	VT	VT	VT		NAN00683
747	Đặng Thị	Yến				15	7	1990	xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Đại học kinh tế Nghệ An	Kế toán		NAN03230		VT	VT	VT		NAN00566
748	Hồ Thị Hoàng	Yến				25	7	1990	Diễn Hoàng, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học Ngoại Thương	kế toán		NAN03232		VT	VT	VT		NAN00418
749	Hoàng Hải	Yến				7	9	1994	Xã Diễn Hanh, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Học viện Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp		NAN03233		95.00	66.25	85.00		NAN00052
750	Hoàng Thị Hải	Yến				14	2	1990	xã Diễn Tháp, Diễn Châu, Nghệ An	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		NAN03235		VT	VT	VT		NAN00035
751	Ngô Thị Ngọc	Yến				11	6	1992	Xã Hưng Phú, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Học Viện Ngân Hàng	Kinh doanh chứng khoán		NAN03241		72.50	65.00	87.50		NAN00323
752	Nguyễn Hải	Yến				20	6	1992	Xã Phong Thịnh, Huyện Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN03242		VT	VT	VT		NAN00335
753	Nguyễn Thị	Yến				12	5	1993	Thanh Tiên, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Vinh	Tài chính - Ngân hàng		NAN03245		92.50	36.25	65.00		NAN00474
754	Nguyễn Thị Bảo	Yến				26	1	1989	Can Lộc, Hà Tĩnh	Đại học GTVT TP.Hồ Chí Minh	Kinh tế xây dựng		NAN03246		87.50	42.50	67.50		NAN00484
755	Nguyễn Thị Hải	Yến				18	9	1993	xóm 4B, xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Đại học Đà Nẵng	Kế toán		NAN03251		VT	VT	VT		NAN00366
756	Phạm Thị	Yến				23	12	1985	Hưng Lộc, TP Vinh, tỉnh Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp	Con TB	NAN03258	20	VT	VT	VT		NAN00647
757	Phạm Thị Hải	Yến				13	5	1994	xã Nghi Phú, Tp Vinh, Nghệ An	Học viện Ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		NAN03260		VT	VT	VT		NAN00634
758	Phan Thị Hải	Yến				16	1	1987	Xã Đức Nhân, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		NAN03261		82.50	38.75	72.50		NAN00386
759	Tạ Thị Bảo	Yến				11	9	1989	Diễn Bình, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính Ngân hàng		NAN03263		VT	VT	VT		NAN00501
760	Trương Thị	Yến				24	4	1994	Nghi Lâm, Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		NAN03266		70.00	58.75	70.00		NAN00029
II. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin																			
1	Nguyễn Chí	Bá	4	5	1986				Thanh Đồng, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học công nghiệp Hà Nội	Khoa học máy tính		NAN03272		VT	VT			NAN00769

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
2	Đào Hồng	Chương	30	12	1979				xã Nam Tân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Tin học	Con TB	NAN03276	20	57.50	57.50			NAN00027
3	Lê Văn	Hào	27	4	1978				Xóm 7, Diễn Nguyên, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học Kỹ thuật Công nghiệp	Sư phạm kỹ thuật Tin học		NAN03282		55.00	60.00			NAN00070
4	Phan Song	Hào	20	11	1986				Nhân Thành, Yên Thành, Nghệ An	Đại học Duy Tân	Kỹ thuật mạng	Con TB	NAN03283	20	62.50	27.0		Cảnh cáo	NAN00755
5	Đinh Thị Yến	Hoa				16	2	1991	Xóm Sư Phạm, Xã Văn Diễn, huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Kỹ thuật, điện tử, truyền thông		NAN03286		67.50	46.25			NAN00756
6	Lê Thị Mai	Hoa				9	7	1984	xóm 11, Trảng Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Đại học sư phạm kỹ thuật Vinh	Công nghệ thông tin		NAN03287		65.00	53.75			NAN00379
7	Hoàng Mạnh	Hùng	22	12	1990				Hưng Xuân, Hưng Nguyên, Nghệ An	Học viện Kỹ thuật Quân Sự	mạng máy tính và truyền thông		NAN03289		65.00	40.00			NAN00499
8	Nguyễn Thị Ngọc	Mai				11	7	1984	xã Đức Quang, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	Học viện bưu chính viễn thông	điện tử viễn thông		NAN03299		VT	VT			NAN00558
9	Nguyễn Thị Phương	Nga				3	3	1982	Xã Bồi Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Đại học khoa học tự nhiên - Đại học quốc gia Hà Nội	Toán tin ứng dụng		NAN03304		60.00	26.25			NAN00720
10	Lê Thị	Phương				30	12	1983	Thanh Cát, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Vinh	Tin học		NAN03307		55.00	42.50			NAN00798
11	Văn Thành	Sơn	10	3	1992				xã Hà Ngọc, huyện Hà trung, tỉnh Thanh Hóa	Đại học Vinh	Kỹ sư Công nghệ thông tin		NAN03309		62.50	41.25			NAN00200
12	Nguyễn Hữu	Thọ	25	11	1990				xã Sơn Lẻ, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học bách khoa Hà Nội	điện tử viễn thông		NAN03316		VT	VT			NAN00285
13	Phan Nam	Trung	18	4	1987				Thanh Tùng, Thanh Chương, Nghệ An	La Trobe University	Công nghệ thông tin và truyền thông	Con TB	NAN03326	20	57.50	MT			NAN00177
14	Nguyễn Tuấn	Trường	1	11	1991				xã Nghi Trung huyện Nghi Lộc tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	công nghệ thông tin		NAN03328		VT	VT			NAN00770
15	Lê Thị Cẩm	Tú				18	11	1984	Nghi Diên, Nghi Lộc, Nghệ An	Học viện công nghệ bưu chính viễn thông	Truyền dữ liệu và mạng máy tính		NAN03329		65.00	46.25			NAN00719
16	Hoàng Anh	Tuấn	24	10	1980				Cát Ván, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Vinh	Tin học	Con TB	NAN03331	20	VT	VT			NAN00802
17	Nguyễn Khắc	Tuấn	23	10	1982				phường Bến Thủy, TP.Vinh, Nghệ An	Viện đại học Hà Nội	tin học quản lý	Con TB	NAN03333	20	42.50	35.00			NAN00491
18	Thái Thị	Tuyết				10	7	1989	xóm Cầu Khuôn, xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Học viện Công nghệ bưu chính Viễn Thông	Công nghệ Thông tin		NAN03338		VT	VT			NAN00490
19	Hồ Xuân	Văn	9	1	1979				Khối 8, Thị Trấn Hưng Nguyên, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học Vinh	Tin học		NAN03339		50.00	28.75			NAN00757
III. Chuyên viên làm Văn thư lưu trữ																			
IV. Cán sự làm Công nghệ thông tin																			
V. Cán sự và Kiểm tra viên trung cấp thuế																			
1	Phan Thị Mai	Anh				17	10	1983	Xã Hưng Khánh, huyện Hưng Nguyên, Nghệ An	Cao Đẳng kinh tế kỹ thuật Nghệ An	Kế toán DNSX	Con TB	NAN03348	20	VT	VT	VT		NAN00125
2	Nguyễn Thị	Ánh				11	9	1995	Phường Nghi Thủy, TX Cửa Lò, Nghệ An	Đại học kinh tế Nghệ An	Kế toán		NAN03350		52.00	34.00	72.00		NAN00676
3	Trần Thị Linh	Chi				29	6	1993	Thôn Mộc Hải, Thạch Ngọc, Thạch Hà, Hà Tĩnh	Đại học Hà Tĩnh	Kế toán		NAN03351		VT	VT	VT		NAN00217
4	Trần Anh	Đức	24	4	1993				xã Hưng Đạo, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học kinh tế Nghệ An	Kế toán		NAN03354		8.00	28.00	52.00		NAN00547
5	Lê Thị Kim	Dung				30	9	1988	Nam Kim, Nam Đàn, Nghệ An	Cao Đẳng kinh tế kỹ thuật Nghệ An	Kế toán		NAN03355		24.00	52.00	84.00		NAN00740
6	Nguyễn Thị Hương	Dung				26	2	1993	Phường Hồng Sơn, Tp.Vinh, Nghệ An	Đại học Kinh tế Nghệ An	tài chính ngân hàng		NAN03356		VT	VT	VT		NAN00218
7	Hồ Thị Trà	Giang				10	8	1991	Xóm Yên Thế, xã Yên Sơn, huyện Đô Lương, Nghệ An	Cao Đẳng kinh tế kỹ thuật Nghệ An	Kế toán doanh nghiệp		NAN03358		68.00	54.00	68.00		NAN00122
8	Nguyễn Thị Hà	Giang				10	4	1986	Xóm Mẫu Lâm, Hưng Lộc, TP Vinh, Nghệ An	Trung học công nghiệp Quốc Phòng	Kế toán	Con TB	NAN03359	20	VT	VT	VT		NAN00731

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi				Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học			
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
9	Trần Bảo	Giang				6	11	1983	Hương Điền, Thừa Thiên Huế	Trung học Kinh tế kỹ thuật Nghệ An	Kế toán doanh nghiệp sản xuất	Con TB	NAN03361	20	68.00	36.00	56.00		NAN00203	
10	Nguyễn Hằng	Hải				15	1	1995	Xóm 8, Hưng Long, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học kinh tế Nghệ An	Kế toán Doanh nghiệp	Con LS	NAN03366	20	VT	VT	VT		NAN00673	
11	Nguyễn Thu	Hằng				15	4	1982	Xã Lạc Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Trung cấp kinh tế kỹ thuật Nghệ An	Kế toán DNSX		NAN03367		64.00	56.00	80.00		NAN00123	
12	Nguyễn Thị	Hiền				14	1	1995	Trang Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Đại học kinh tế Nghệ An	Kế toán		NAN03369		28.00	20.00	52.00		NAN00408	
13	Trần Thị Thanh	Hoa				1	4	1985	xã Nghi Đức, Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN03372		VT	VT	VT		NAN00801	
14	Phạm Quang	Hòa	28	1	1993				Nghi Trung, Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học kinh tế Nghệ An	Kế toan		NAN03373		VT	VT	VT		NAN00546	
15	Bùi Xuân	Huy	24	2	1990				Xã Diễn Hải - huyện Diễn Châu - Nghệ An	Trường Cao đẳng nghề du lịch - thương mại Nghệ An	Kế toán doanh nghiệp		NAN03378		VT	VT	VT		NAN00121	
16	Ngũ Khánh	Huyền				8	3	1993	Khối 3, Thị Trấn Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Điện lực	Kế toán Doanh nghiệp		NAN03384		VT	VT	VT		NAN00732	
17	Nguyễn Thị	Linh				1	3	1993	Xóm 3, Trảng Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Đại học kinh tế Nghệ An	Kế toán		NAN03392		48.00	50.00	64.00		NAN00738	
18	Nguyễn Thị Diệu	Linh				2	5	1992	Hưng Châu, Hưng Nguyên, Nghệ An	Cao đẳng kinh tế Kỹ Thuật Nghệ An	Kế toán		NAN03393		VT	VT	VT		NAN00204	
19	Phạm Thị	Linh				12	8	1993	Xóm 7, xã Nam Lĩnh, Nam Đàn, Nghệ An	Đại học kinh tế Nghệ An	Kế toán		NAN03395		48.00	40.00	44.00		NAN00675	
20	Hồ Thị	Lộc				12	10	1985	Xã Quỳnh Thạch, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Trung cấp công nghệ và kinh tế Hà Nội	Kế toán		NAN03398		52.00	22.00	52.00		NAN00677	
21	Nguyễn Đình	Manh	26	3	1991				Hội Sơn, Anh Sơn, Nghệ An	Đại học Nha Trang	Kế toán		NAN03399		80.00	38.00	48.00		NAN00409	
22	Hoàng Thị Thủy	Nga				1	5	1985	Xã Thanh Hòa, huyện Thanh Chương, Nghệ An	Cao đẳng kinh tế Kế hoạch Đà Nẵng	Kế toán tổng hợp	Con TB	NAN03404	20	56.00	36.00	48.00		NAN00219	
23	Lê Thị Thu	Nga				10	7	1989	Điền Hương, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Lâm nghiệp	Kinh tế tài nguyên môi trường		NAN03405		VT	VT	VT		NAN00713	
24	Lương Thị Thủy	Nga				4	5	1993	Xãng Trên- Xã Mỹ Lý, huyện Kỳ Sơn, Nghệ An	Đại học kinh tế Nghệ An	Kế toán	DTTS	NAN03406	20	VT	VT	VT		NAN00736	
25	Trần Thị	Nga				24	2	1993	Xóm 10, Minh Thành, Yên Thành, Nghệ An	Đại học Kinh tế Nghệ An	Kế toán		NAN03407		88.00	52.00	80.00		NAN00201	
26	Nguyễn Thị	Nhân				15	2	1989	Quỳnh Châu, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Đại học Vinh	Quản trị kinh doanh	Con TB	NAN03408	20	VT	VT	VT		NAN00733	
27	Nguyễn Thị Hồng	Nhung				12	1	1987	Xã Văn Sơn, huyện Đô Lương, Nghệ An	Cao Đẳng công nghiệp dệt may thời trang Hà Nội	Kế toán		NAN03414		24.00	28.00	48.00		NAN00672	
28	Hà Thị	Thao				15	5	1990	Hưng Thái, Hưng Nguyên, Nghệ An	Cao Đẳng kinh tế kỹ thuật	Kế toán		NAN03433		VT	VT	VT		NAN00737	
29	Nguyễn Thị Phương	Thảo				19	5	1993	Nghi Trung, Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Tài chính doanh nghiệp		NAN03435		40.00	44.00	40.00		NAN00734	
30	Trần Thị Phương	Thảo				7	3	1992	Kỳ Phú, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Cao đẳng kinh tế kế hoạch Đà Nẵng	Quản trị doanh nghiệp		NAN03436		64.00	40.00	52.00		NAN00406	
31	Nguyễn Thị	Thịnh				13	11	1994	Xóm 4, Tân Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Đại học kinh tế Nghệ An	Kế toán		NAN03437		VT	VT	VT		NAN00735	
32	Vương Đình	Thọ	20	10	1980				Xóm 10, xã Thanh Hà, Thanh Chương, Nghệ An	Cao đẳng Kinh tế Kỹ Thuật	Kế toán DN		NAN03438		12.00	28.00	44.00		NAN00674	
33	Lê Thị Hồng	Thương				13	1	1994	Phong Thịnh, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học kinh tế Nghệ An	Kế toán	Con TB	NAN03441	20	68.00	46.00	56.00		NAN00739	
34	Phan Thị	Thủy				27	8	1987	Xã Đức Sơn, Anh Sơn, Nghệ An	Cao đẳng tài chính quản trị kinh doanh	Kế toán		NAN03442		32.00	20.00	36.00		NAN00410	
35	Ngô Thị	Trang				20	1	1995	Khối 3, phường Mai Hùng, Thị xã Hoàng Mai, Nghệ An	Đại học Kinh tế Nghệ An	Kế toán		NAN03443		48.00	30.00	76.00		NAN00124	
36	Trần Minh	Tuấn	8	8	1992				Xã Xuân An, huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh	Cao đẳng kinh tế kỹ thuật thương mại	Kiểm toán		NAN03449		48.00	52.00	80.00		NAN00545	
37	Nguyễn Thị	Vân				12	4	1986	Xóm Thanh Thủy, xã Thanh Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Công Nghiệp Hà Nội	Kế toán	Con TB	NAN03450	20	60.00	46.00	76.00		NAN00202	

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
38	Nguyễn Thúy	Vân				8	8	1993	xóm 3, xã Hưng Lĩnh, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học Kinh tế Nghệ An	Kế toán	Con TB	NAN03451	20	52.00	38.00	64.00		NAN00205
39	Đình Quang	Việt	12	10	1983				Xã Vĩnh Sơn, Anh Sơn, Nghệ An	Cao Đẳng tài chính kế toán	Kế toán DNSX	Con TB	NAN03453	20	60.00	42.00	64.00		NAN00671
40	Hoàng Ngọc Anh	Vũ	10	11	1991				Anh Sơn, Nghệ An	Cao đẳng kinh tế kỹ thuật thương mại	Marketing thương mại	HTNVQS	NAN03454	10	64.00	60.00	76.00		NAN00407
VI. Cán sự làm Văn thư lưu trữ																			

ng